

Công Ty Cổ
Phần Quản
Lý Bảo Trì
Đường
Thủy Nội
Địa Số 4

Digitally signed by Công Ty Cổ
Phần Quản Lý Bảo Trì Đường
Thủy Nội Địa Số 4
DN: c=VN, st=MST:2300882483,
l=Đường Huyền Quang,
o=Công Ty Cổ Phần Quản Lý
Bảo Trì Đường Thủy Nội Địa Số
4, ou=Không BH, cn=Công Ty
Cổ Phần Quản Lý Bảo Trì
Đường Thủy Nội Địa Số 4,
email=ketoan@inwama4.vn
Date: 2020.03.12 08:50:03
+07'00'

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ
ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 4**



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN QLBT ĐTNĐ SỐ 4
NĂM 2019**

Bắc Ninh, tháng 3 năm 2020

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

NỘI DUNG

I. Thông tin chung.

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần Quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 2300882483 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 05/3/2015; Đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 27/04/2015.
- Vốn điều lệ: 11.600.000.000 đồng (Mười một tỷ sáu trăm triệu đồng)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 11.600.000.000 đồng (Mười một tỷ sáu trăm triệu đồng)
- Địa chỉ: Số 118 - Đường Huyền Quang, phường Đại Phúc, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh
- Số điện thoại: 02223 826 746
- Số fax: 02223 823 366
- Website: www.inwama4.vn
- Mã cổ phiếu: DT4

Quá trình hình thành và phát triển:

Tiền thân Công ty cổ phần Quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4 là Đoàn Quản lý đường thủy nội địa số 4 được thành lập 11/7/1964, là đơn vị sự nghiệp công lập.

- Ngày 03/12/2014 Bộ Giao thông vận tải có Quyết định số 4568/QĐ – BGTVT về việc phê duyệt phương án và chuyển Đoàn Quản lý đường thủy nội địa số 4, thuộc Cục Đường thủy nội địa Việt Nam thành Công ty cổ phần.

- Ngày 04/02/2015 Cục Đường thủy nội địa Việt Nam có Quyết định số 134/QĐ - CĐTND của về việc cử người đại diện phần vốn Nhà nước tại Công ty cổ phần Quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4.

- Ngày 05/3/2015 Công ty cổ phần Quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4 chính thức đi vào hoạt động theo giấy đăng ký doanh nghiệp số: 2300882483 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 05/3/2015; Đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 27/04/2015.

- Ngày 12/7/2016 Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ra Quyết định số 428/QĐ-SGDHN về việc chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu của Công ty cổ phần Quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4; Thông báo số 686/TB-SGDHN ngày

12/7/2016 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội thông báo ngày giao dịch đầu tiên của Công ty cổ phần Quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4;

Công văn số 4900/BGTVT-QLDN về việc chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu nhà nước tại các Công ty cổ phần quản lý bảo trì đường thủy nội địa; Công văn số 8341/VPCP-ĐMDN ngày 04/10/2016 của Văn phòng Chính phủ về việc chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu nhà nước về SCIC; Công văn số 1228/BGTVT-QLDN ngày 18/10/2016 của Bộ Giao thông vận tải về việc chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu nhà nước tại các Công ty cổ phần Quản lý bảo trì đường thủy nội địa;

Công ty cổ phần Quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4 đã lập hồ sơ chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước theo đúng yêu cầu của SCIC. Ngày 07/11/2016 tại trụ sở Bộ Giao thông vận tải, Bộ Giao thông vận tải (GTVT) và Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà Nước (SCIC) thống nhất lập biên bản chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu nhà nước tại các Công ty cổ phần quản lý bảo trì đường thủy nội địa số: 4,7,9,11,12,12,14,15 từ Bộ GTVT về SCIC.

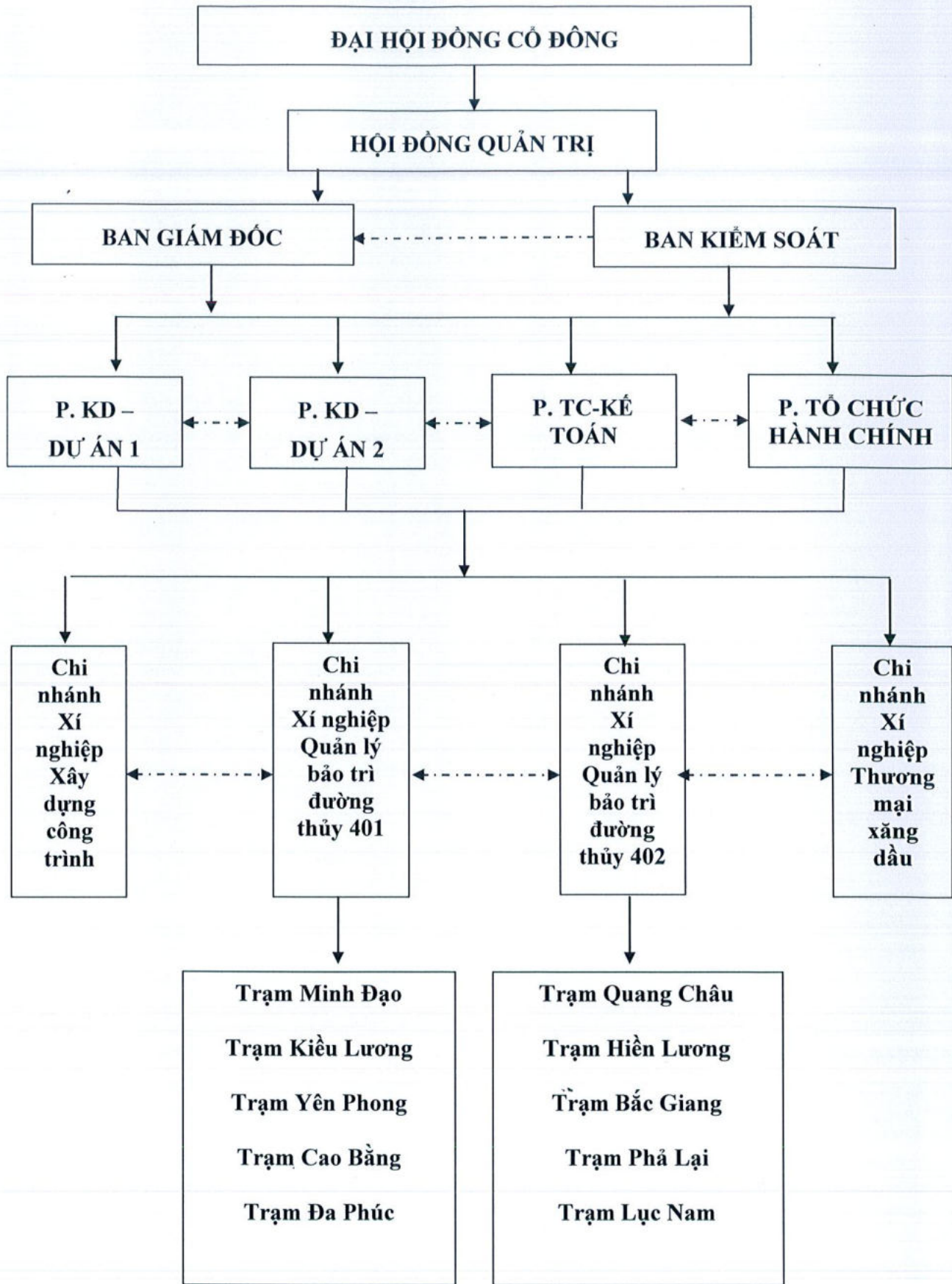
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy: Chi tiết: Quản lý bảo trì đường thường thủy nội địa. Điều tiết đảm bảo an toàn giao thông đường thủy; điều tiết chống va trôi mùa lũ; thanh thải chướng ngại vật trên tuyến đường thủy, nạo vét đường thủy.	5222 (chính)
2	Xây dựng nhà các loại	4100
3	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
4	Xây dựng công trình công ích	4220
5	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
6	Phá dỡ	4311
7	Chuẩn bị mặt bằng	4312
8	Lắp đặt hệ thống điện	4321
9	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí	4322
10	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
11	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
12	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
13	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
14	Khai khoáng chưa được phân vào đâu Chi tiết: Khai thác khoáng sản trên sông	0899

STT	Tên ngành	Mã ngành
15	Đóng tàu và kết cấu nổi	3011
16	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
17	Bán buôn nhiên liệu, rắn, lỏng, khí và các loại sản phẩm liên quan	4661
18	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan: Chi tiết Tư vấn khảo sát thiết kế công trình giao thông, tư vấn thiết kế các công trình đường thủy, tư vấn giám sát thi công các công trình đường thủy.	7110
19	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Đóng mới, sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện thủy; sản xuất lắp đặt phao tiêu báo hiệu đường thủy	3290
20	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
21	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
22	Cung ứng và quản lý nguồn lao động (Doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật).	7830
23	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
24	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
25	Sản xuất và phân phối hơi nước, nước nóng, điều hòa không khí và sản xuất nước đá	3530
26	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
27	Mua bán, cho thuê phương tiện đường thủy, đường bộ. Đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện	Ngành, nghề chưa khớp với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam

* Địa bàn kinh doanh: Tập trung tại khu vực phía bắc.

3. SƠ ĐỒ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ CỦA CÔNG TY



Ghi chú:

Quan hệ điều hành: \longrightarrow
 Quan hệ phối hợp: \longleftrightarrow

3.1. Đại hội đồng cổ đông:

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính, quyết định các vấn đề liên quan:

- Thông qua Điều lệ, sửa đổi bổ sung Điều lệ hoạt động;
- Phương hướng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Bầu, bãi nhiệm HĐQT, BKS; thù lao cho thành viên HĐQT, BKS;
- Phương án chào bán, phát hành chứng khoán tăng vốn điều lệ;
- Chia tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi Công ty;
- Thông qua báo cáo tài chính hàng năm năm;
- Các nhiệm vụ khác theo Điều lệ Công ty quy định.

3.2. Hội đồng quản trị:

Là cơ quan quản lý Công ty do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề quan trọng liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ giám sát Giám đốc điều hành và những người quản lý khác trong Công ty. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do Pháp luật và Điều lệ Công ty, các Quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông quy định:

- Quyết định kế hoạch sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm của Công ty;
- Xác định mục tiêu hoạt động trên cơ sở mục tiêu chiến lược đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua, đề xuất mức chi trả cổ tức hàng năm;
- Bổ nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý theo đề nghị của Giám đốc và quyết định mức lương theo chức năng;
- Đề xuất các loại cổ phiếu phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;
- Quyết định triệu tập Đại hội đồng Cổ đông theo quy định;
- Các nhiệm vụ khác theo Điều lệ hoạt động của Công ty quy định.

3.3. Ban kiểm soát:

Là cơ quan do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính của Công ty, Ban kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc điều hành.

- Kiểm tra giám sát toàn bộ mọi hoạt động trong nội bộ Công ty; báo cáo tài chính năm, các vấn đề kiểm toán, hoạt động của Công ty;

- Hằng năm, trình Đại hội đồng Cổ đông các báo cáo thẩm tra tài chính, những sự kiện tài chính bất thường, những sự kiện có thể tác động xấu đến quyền và lợi ích của Công ty, nêu ra những nhận xét về ưu và khuyết điểm trong quản lý của HĐQT và Giám đốc;

- Yêu cầu triệu tập họp Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Pháp luật;

- Các nhiệm vụ khác theo Điều lệ hoạt động của Công ty;

3.4. Chủ tịch Hội đồng quản trị:

Là người đại diện pháp luật của Công ty. Có trách nhiệm giám sát Giám đốc trong điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm triệu tập và làm chủ tọa Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng quản trị, đồng thời có những quyền và trách nhiệm khác quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp.

Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.

3.5. Ban Giám đốc điều hành:

Giám đốc là người điều hành hoạt động của Công ty trong các lĩnh vực theo sự phân công của Hội đồng quản trị, chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị về các quyết định của mình và kết quả hoạt động kinh doanh. Xác định cơ cấu tổ chức, trách nhiệm và quyền hạn của các đơn vị trực thuộc, các cấp quản lý trong Công ty, xây dựng kế hoạch sản xuất dài hạn và hàng năm, các phương án kinh doanh, các dự án đầu tư mới, liên doanh liên kết trình Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Các Phó Giám đốc giúp việc Giám đốc Công ty, điều hành hoạt động của Công ty trong các lĩnh vực theo sự phân công và ủy quyền của Giám đốc, chịu trách nhiệm trước Giám đốc và Pháp luật về nhiệm vụ được phân công và ủy quyền.

Các phòng chức năng:

Các phòng chịu trách nhiệm thực hiện và tham mưu cho Giám đốc các công việc thuộc phạm vi chức năng của Phòng đồng thời phối hợp với các đơn vị trực thuộc của trong việc thực hiện mục tiêu và chiến lược chung của Công ty.

3.6. Các phòng nghiệp vụ:

*** Các phòng:**

1.1- Phòng Kinh doanh – Dự án 1;

1.2- Phòng Kinh doanh – Dự án 2;

1.3- Phòng Tổ chức Hành chính;

1.4- Phòng Tài chính – Kế toán;

*** Các đơn vị trực thuộc:**

+ Chi nhánh Xí nghiệp TM Xăng dầu	+ Xí nghiệp thương mại và dịch vụ
+ Chi nhánh Xí nghiệp xây dựng công trình	+ Chi nhánh Xí nghiệp Quản lý bảo trì đường thủy 402 gồm:
+ Chi nhánh Xí nghiệp Quản lý bảo trì đường thủy 401 gồm: - Trạm QLĐTND Minh Đạo - Trạm QLĐTND Kiều Lương - Trạm QLĐTND Yên Phong - Trạm QLĐTND Đa Phúc - Trạm QLĐTND Cao Bằng	- Trạm QLĐTND Bắc Giang - Trạm QLĐTND Phả Lại - Trạm QLĐTND Hiền Lương - Trạm QLĐTND Quang Châu - Trạm QLĐTND Lục Nam

*** Mô hình tổ chức bộ máy:**

Đại hội đồng cổ đông.

Hội đồng quản trị: 05 người (01 Chủ tịch, 4 ủy viên HĐQT)

Ban kiểm soát: 03 người (01 Trưởng ban, 02 ủy viên)

Ban Giám đốc: 04 người (01 Giám đốc, 03 Phó Giám đốc)

3.6.1- Phòng Kinh doanh – Dự án 1:

Chức năng:

Tham mưu cho Ban Giám đốc về:

- Chủ trì xây dựng kế hoạch, chiến lược sản xuất kinh doanh, hoạt động của Công ty;
- Công tác quản lý kinh tế, kỹ thuật;
- Công tác điều động sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực phòng quản lý;
- Quản lý dự án trong lĩnh vực kinh doanh được giao, bao gồm:
 - + Tiếp cận các dự án đầu tư tiềm năng;
 - + Tiến hành các bước để tham gia thầu, chỉ định thầu, nhận thầu;
 - + Đề xuất phương án triển khai thi công;
 - + Thanh quyết toán A, B;
 - + Lưu trữ hồ sơ, phục vụ quyết toán, thanh tra, kiểm toán, kiểm tra dự án;
- Công tác ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật;
- Công tác xây dựng kế hoạch đầu tư và xúc tiến đầu tư.

Thực hiện các chức năng khác do Giám đốc giao.

Nhiệm vụ, quyền hạn và định biên nhân sự:

Nhiệm vụ quyền hạn:

- Chủ trì tổ chức thẩm tra thiết kế các giai đoạn trong quá trình đầu tư xây dựng công trình;

- Kiểm tra giám sát việc tuân thủ các quy định kỹ thuật, quy trình, quy phạm và công tác thi công của nhà thầu, kịp thời đề xuất phương án xử lý;

- Theo dõi, tổng hợp khối lượng thi công, tình hình thi công, tình hình thu hồi vốn; đề nghị các giải pháp kỹ thuật, biện pháp cụ thể cho công tác thi công, công tác thu hồi vốn, giúp Giám đốc kịp thời chỉ đạo tiến độ thi công, quản lý chất lượng của Công trình.

- Chủ trì phối hợp, đôn đốc các đơn vị thi công trong việc lập và trình duyệt biện pháp thi công, tổng tiến độ thi công; kiểm tra, rà soát kết quả thực hiện tiến độ theo tiến độ thi công đã được phê duyệt trong hợp đồng, để đề xuất các biện pháp đẩy nhanh tiến độ, và đảm bảo cho công trình khi thi công.

- Công tác tham gia, cho ý kiến văn bản định mức quy chế khi có yêu cầu của ngành dọc, Bộ, Cục, của cơ quan quản lý nhà nước khác;

- Công tác tham gia cho ý kiến liên quan tuyến luồng thuộc phạm vi Công ty được giao, đặt hàng, hợp đồng bảo trì;

- Duy tu bảo trì tuyến, công tác đặc thù;

- Công tác phòng va trôi, chống bão lũ, thiên tai;

- Kiểm tra liên ngành, phối hợp cùng các địa phương;

- Quản lý kinh doanh thương mại xăng dầu;

- Thực hiện các nhiệm vụ, dự án khác theo yêu cầu của Ban Giám đốc.

b) Định biên nhân lực

Với khối lượng công việc như trên Phòng Kinh doanh - Dự án 1, biên chế 04 người, trong đó:

- 01 Trưởng phòng;

- 02 Phó Phòng;

- 01 chuyên viên.

3.6.2- Phòng Kinh doanh – Dự án 2:

Phòng Kinh doanh - Dự án 2

3.1. Chức năng:

* Tham mưu cho Ban Giám đốc về:

- Chủ trì quản lý dự án trong lĩnh vực kinh doanh được giao, bao gồm:

+ Tiếp cận các dự án đầu tư tiềm năng;

+ Tiến hành các bước để tham gia thầu, chỉ định thầu, nhận thầu;

+ Đề xuất phương án triển khai thi công;

+ Thanh quyết toán A, B công trình;

- + Lưu trữ, phục vụ quyết toán, thanh tra, kiểm toán, kiểm tra dự án.
- Công tác quản lý kinh tế, kỹ thuật; Công tác điều động sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực được giao;
- Công tác xây dựng kế hoạch, sản xuất kinh doanh đầu tư và xúc tiến đầu tư;
- Tham gia xây dựng kế hoạch, chiến lược hoạt động của Công ty;
- Công tác ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật;
- Thực hiện các chức năng khác do Ban Giám đốc giao.

3.2. Nhiệm vụ quyền hạn, định biên nhân sự

a) Nhiệm vụ quyền hạn:

- Chủ trì tổ chức thẩm tra thiết kế các giai đoạn trong quá trình đầu tư xây dựng công trình;
- Kiểm tra giám sát việc tuân thủ các quy định kỹ thuật, quy trình, quy phạm và công tác thi công của nhà thầu, kịp thời đề xuất phương án xử lý;
- Theo dõi, tổng hợp khối lượng thi công, tình hình thi công, tình hình thu hồi vốn; đề nghị các giải pháp kỹ thuật, biện pháp cụ thể cho công tác thi công, công tác thu hồi vốn, giúp Giám đốc kịp thời chỉ đạo tiến độ thi công, quản lý chất lượng của Công trình.
- Chủ trì phối hợp, đôn đốc các đơn vị thi công trong việc lập và trình duyệt biện pháp thi công, tiến độ thi công; kiểm tra, rà soát soát kết quả thực hiện tiến độ theo tiến độ thi công đã được phê duyệt trong hợp đồng, để đề xuất các biện pháp nhằm đảm bảo tiến độ cho công trình khi thi công.
- Công tác điều tiết đảm bảo ATGT;
- Công tác điều tiết phục vụ các công trình thi công xây dựng;
- Sản xuất, sửa chữa, thay thế báo hiệu thủy bộ, cơ khí;
- Dịch vụ xây dựng công trình;
- Quản lý sản xuất kinh doanh đá viên và nước tinh khiết;
- Quản lý hồ sơ, giấy tờ, tổ chức đăng ký, đăng kiểm các phương tiện thủy trong Công ty, tham mưu việc sửa chữa, bảo dưỡng thường xuyên, và sửa chữa lớn các phương tiện thủy trong Công ty.
- Tham mưu việc sửa chữa, bảo dưỡng thường xuyên, sửa chữa lớn xe ô tô phục vụ công tác sản xuất kinh doanh trong Công ty (bao gồm xe con công tác, xe tải kinh doanh đá viên, nước sạch, xe téc chở dầu), quản lý hành trình các xe, lập hồ sơ thanh toán, quyết toán kinh phí nhiên liệu phục vụ hoạt động các xe.
- Quản lý dự án kinh doanh xăng, dầu của Công ty.
- Thực hiện các nhiệm vụ, dự án khác theo yêu cầu của Ban Giám đốc

b) Định biên nhân sự

Với khối lượng công việc như trên Phòng Kinh doanh - Dự án 2, biên chế 05 người, trong đó:

- 01 Trưởng phòng;
- 04 chuyên viên.

3.6.3- Phòng Tổ chức Hành chính;

I. Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Phòng TC-HC:

1. Chức năng:

1.1. Tham mưu cho Giám đốc trong việc quản lý, sắp xếp và sử dụng có hiệu quả toàn bộ đội ngũ CB-CNV thuộc phạm vi đã được phân cấp quản lý.

1.2. Nghiên cứu nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty để đề đạt quy mô tổ chức sản xuất, tổ chức lao động phù hợp, quản lý chặt chẽ, bảo đảm không ngừng tăng năng xuất lao động trong Công ty.

1.3. Tổ chức thực hiện tốt chế độ chính sách đã được Nhà nước qui định, đối với người lao động. Phối hợp với tổ chức quần chúng của Đảng (công đoàn, đoàn thanh niên), tổ chức các phong trào thi đua trong công nhân viên chức, sơ tổng kết khen thưởng kịp thời nhằm động viên hoàn thành nhiệm vụ mà cấp trên giao cho Công ty.

1.4. Tổ chức giáo dục CB-CNV nâng cao tinh thần cảnh giác cách mạng bảo vệ an ninh chính trị, bảo vệ sản xuất, bảo vệ tài sản và trật tự cơ quan.

2/ Nhiệm vụ:

2.1. Giúp Giám đốc nắm vững tình hình từng CBCNV trong Công ty. Nắm vững trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ thuật, năng lực, sở trường, nguyện vọng, sức khỏe, lịch sử gia đình bản thân của từng CBCNV để có kế hoạch bồi dưỡng đúng năng lực, nhằm phát huy khả năng trình độ, phù hợp với đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước.

2.2. Căn cứ vào tình hình sản xuất của Công ty, nghiên cứu xây dựng chức trách, nhiệm vụ, đề xuất, thành lập hoặc giảm nhẹ tổ chức sản xuất cho phù hợp yêu cầu thực tế của Công ty.

2.3. Căn cứ vào nhiệm vụ sản xuất của Công ty lập kế hoạch lao động - tiền lương và quy chế sử dụng lao động, tiền lương, tiền thưởng, kế hoạch cải thiện chế độ, điều kiện làm việc, bảo hiểm lao động, kế hoạch BHYT và có những biện pháp thực hiện những kế hoạch đó có hiệu quả tốt nhất.

2.4. Tham mưu đề xuất điều động, điều phối CB-CNV trong nội bộ sao cho sử dụng hiệu quả nguồn lao động nội bộ hiện có và kiến nghị cấp trên điều động.

2.5. Quản lý chặt chẽ, chính xác hồ sơ lý lịch CB-CNV thuộc quyền phân cấp quản lý của Công ty.

2.6. Lập kế hoạch thường xuyên đào tạo bồi dưỡng đội ngũ cán bộ nhân viên nghiệp vụ và công nhân kỹ thuật hàng năm đúng chính sách, chế độ.

2.7. Nghiên cứu thực hiện đúng đường lối chính sách cán bộ của Đảng trong việc bổ nhiệm sử dụng cán bộ theo phân cấp quản lý.

2.8. Tổ chức điều tra, kiểm tra các vụ tai nạn lao động, kết hợp với công đoàn các sở cơ quan địa phương và cơ quan nhà nước có liên quan giải quyết.

2.9. Nghiên cứu sử dụng lao động thật hợp lý và khoa học, tổ chức thực hiện tốt kỷ luật lao động, phối hợp với các phòng ban chuyên môn, xây dựng các chỉ tiêu định mức lao động, hình thức trả lương sản phẩm hợp lý nhằm khuyến khích người lao động không ngừng nâng cao năng suất lao động góp phần giảm, hạ giá thành sản phẩm.

2.10. Quản lý và giám sát chặt chẽ chế độ trả lương chế độ tiền thưởng đúng chính sách đúng chế độ và đúng quy chế trả lương đã được Công ty xây dựng.

2.11. Thực hiện đúng chế độ báo cáo thường xuyên, đột xuất đến lãnh đạo Công ty và cấp trên đúng thời gian quy định và phân cấp báo cáo (tháng, năm).

2.12. Theo dõi, phân tích hồ sơ các vụ việc vi phạm kỷ luật trình giám đốc triệu tập hội đồng xử lý, giáo dục kịp thời.

2.13. Theo dõi thống kê tình hình sử dụng, quản lý thời gian lao động, tiền lương và năng xuất lao động và có phương án đề xuất quản lý lao động có hiệu quả hơn

2.14. Tổ chức tuyên truyền giáo dục ý thức cảnh giác cách mạng nhắc nhở ý thức bảo mật phòng gian, an ninh trật tự trong nội bộ.

2.15. Soạn thảo văn bản theo nhiệm vụ được giao, trình ký văn bản, đóng dấu, in ấn và phát hành đúng theo địa chỉ nơi nhận.

2.16. Tiếp nhận công văn, tài liệu đến và trình lãnh đạo xem xét để có sự chỉ đạo giải quyết kịp thời.

2.17. Thực hiện công tác đối nội, đối ngoại để giải quyết công việc khi được Công ty uỷ quyền.

2.18. Trang cấp, quản lý, điều chuyển thiết bị văn phòng, công cụ dụng cụ làm việc cho lãnh đạo công ty và các phòng theo yêu cầu đòi hỏi của công việc.

2.19. Tổ chức công tác bảo vệ, công tác vệ sinh, giữ gìn an ninh trật tự nơi làm việc, quản lý giờ giấc làm việc của CBCNV văn phòng.

2.20. Cấp giấy đi đường, giấy giới thiệu cho lãnh đạo và cán bộ đi công tác. Bố trí và điều động xe con phục vụ lãnh đạo theo yêu cầu.

2.21. Quan hệ với chính quyền sở tại để giải quyết các thủ tục hành chính cho CBCNV đảm bảo đúng quy định của Nhà nước.

2.22. Phối hợp với công đoàn xây dựng các tiêu chuẩn thi đua khen thưởng và tham mưu cho lãnh đạo xét duyệt, đề nghị các mức mức khen thưởng khi CBCNV có thành tích trong lao động sản xuất.

3/ Quyền hạn:

3.1. Được quyền kiểm tra tình hình sử dụng, quản lý lao động, chấp hành kỷ luật lao động, chấp hành chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước và quy chế quản lý các mặt của Công ty đối với người lao động trong các đơn vị sản xuất, công tác của Công ty.

3.2. Được quyền điều động, điều hoà lao động trong nội bộ nhằm đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ thường xuyên cũng như đột xuất sau khi đã xin ý kiến của Giám đốc.

3.3. Được quyền tổ chức phối hợp các phòng ban liên quan, kiểm tra đình chỉ những máy móc, thiết bị công cụ những bộ phận và cá nhân không chấp hành quy tắc và đảm bảo an toàn lao động xét thấy có thể gây ra tai nạn nguy hiểm đến

tính mạng công nhân, tài sản nhà nước (việc đình chỉ có thể báo cáo Giám đốc trước hoặc sau khi quyết định).

3.4. Được quyền triệu tập các cuộc họp bàn, chuyên đề về công tác nhân sự, tiền lương, phổ biến chính sách chế độ đổi mới của người lao động.

3.5. Được quyền từ chối cung cấp chứng từ, hồ sơ, số liệu cho tổ chức hoặc cá nhân khi xét thấy không có lợi của người lao động, hoặc không thuộc chức năng của họ khi chưa có ý kiến của Giám đốc Công ty.

3.6. Được ký sao lục các văn bản chế độ chính sách của người lao động và cấp trên đối với công tác nhân sự tiền lương (Giám đốc uỷ quyền)

3.7. Được quyền yêu cầu các phòng ban, đơn vị, bộ phận trực thuộc cung cấp số liệu, chứng từ đầy đủ kịp thời phục vụ cho xây dựng kế hoạch yêu cầu về quản lý và báo cáo có liên quan đến chức năng nhiệm vụ của phòng khi cần, không cần chờ ý kiến của lãnh đạo Công ty.

3.6.4- Phòng Tài chính – Kế toán

I. Chức năng, nhiệm vụ, nhân sự của phòng Tài chính – Kế toán

1. Chức năng, nhiệm vụ:

- Tham gia xây dựng kế hoạch kinh doanh đối với sản xuất phụ, xây dựng kế hoạch triển khai các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của đơn vị;

- Công tác giao dịch với cơ quan tài chính, quản lý như Kho bạc nhà nước tỉnh Bắc Ninh, Cục Thuế tỉnh Bắc Ninh, các ngân hàng thương mại và các đối tác kinh doanh khác;

- Tổ chức hệ thống tài chính, kiểm soát hồ sơ, chứng từ đầu vào, đầu ra, tổ chức bộ máy hạch toán kế toán, chi tiết cho từng bộ phận kế toán cụ thể:

+ Kế toán tổng hợp, xây dựng giá thành, phản ánh chi tiết hoạt động.

+ Kế toán thanh toán.

+ Kế toán giao dịch kho bạc .

+ Kế toán giao dịch ngân hàng.

+ Kế toán thuế.

+ Kế toán tài sản cố định.

+ Kế toán tiền lương, và các khoản trích lập theo lương.

+ Kế toán tiền mặt.

+ Kế toán công nợ.

- Công tác thủ quỹ, thủ kho.

II. Nhân sự:

Phòng kế toán tài vụ là phòng chức năng trực thuộc Công ty cổ phần quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4, nhân sự hiện có của phòng là 05 cán bộ, gồm 01 nam và 04 nữ, cụ thể:

- 01 Trưởng Phòng – Phụ trách chung

- 01 Phó Phòng phụ trách hạch toán kế toán tổng hợp, xây dựng giá thành, phản ánh chi tiết hoạt động, kế toán tài sản cố định, kế toán tiền lương và các phải nộp theo lương, kế toán công nợ toàn Công ty; Các nhiệm vụ khác do Trưởng phòng phân công

- 01 Phó phòng phụ trách giao dịch ngân hàng, kho bạc, thuế và các nhiệm vụ khác do Trưởng Phòng phân công.

- 01 kế toán viên chuyên trách theo dõi kinh doanh xăng dầu; Kế toán thanh toán; Kế toán Thuế và các nhiệm vụ khác do Trưởng phòng phân công;

- 01 thủ quỹ kiêm thủ kho.

3.6.5- Xí nghiệp thương mại Xăng dầu:

Ngành nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy: Chi tiết: Quản lý bảo trì đường thường thủy nội địa. Điều tiết đảm bảo an toàn giao thông đường thủy; điều tiết chống va trôi mùa lũ; thanh thải chướng ngại vật trên tuyến đường thủy, nạo vét đường thủy.	5222 (chính)
2	Xây dựng nhà các loại	4100
3	Xây dựng công trình công ích	4220
4	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
5	Phá dỡ	4311
6	Chuẩn bị mặt bằng	4312
7	Lắp đặt hệ thống điện	4321
8	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí	4322
9	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
10	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
11	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
12	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
13	Khai khoáng chưa được phân vào đâu Chi tiết: Khai thác khoáng sản trên sông	0899
14	Đóng tàu và kết cấu nổi	3011
15	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
16	Bán buôn nhiên liệu, rắn, lỏng, khí và các loại sản phẩm liên quan	4661
17	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Đóng mới, sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện thủy; sản xuất lắp đặt phao tiêu báo hiệu đường thủy	3290
18	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022

3.6.6- Xí nghiệp xây dựng công trình:
Ngành nghề kinh doanh

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy: Chi tiết: Quản lý bảo trì đường thường thủy nội địa. Điều tiết đảm bảo an toàn giao thông đường thủy; điều tiết chống va trôi mùa lũ; thanh thải chướng ngại vật trên tuyến đường thủy, nạo vét đường thủy.	5222 (chính)
2	Xây dựng nhà các loại	4100
3	Xây dựng công trình công ích	4220
4	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
5	Phá dỡ	4311
6	Chuẩn bị mặt bằng	4312
7	Lắp đặt hệ thống điện	4321
8	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí	4322
9	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
10	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
11	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
12	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
13	Khai khoáng chưa được phân vào đâu Chi tiết: Khai thác khoáng sản trên sông	0899
14	Đóng tàu và kết cấu nổi	3011
15	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
16	Bán buôn nhiên liệu, rắn, lỏng, khí và các loại sản phẩm liên quan	4661
17	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Đóng mới, sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện thủy; sản xuất lắp đặt phao tiêu báo hiệu đường thủy	3290
18	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022

3.6.7- Xí nghiệp thương mại & dịch vụ:

Ngành nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Vận tải hàng hóa đường bộ	4933
2	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
3	Sản xuất và phân phối hơi nước, nước nóng, điều hòa không khí và sản xuất nước đá	3530
4	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
5	Bán buôn nhiên liệu, rắn, lỏng, khí và các loại sản phẩm liên quan	4661
6	Lắp đặt hệ thống điện	4321
7	Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí	4322
8	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
9	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
10	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
11	Sửa chữa máy móc thiết bị	3312

3.6.8. Chi nhánh Xí nghiệp quản lý bảo trì đường thủy 401,402:

Vị trí và chức năng

Chi nhánh Xí nghiệp Quản lý bảo trì đường thủy 401 & 402 là đơn vị trực tiếp sản xuất trực thuộc Công ty cổ phần Quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4, có con dấu riêng và được mở tài khoản tại ngân hàng.

Nhiệm vụ Chi nhánh Xí nghiệp Quản lý bảo trì đường thủy 401 & 402

Trực tiếp thực hiện:

- Công tác duy tu, bảo trì báo hiệu đường thủy nội địa;
- Công tác điều tiết đảm bảo an toàn giao thông đường thủy nội địa phục vụ thi công các công trình trên đường thủy nội địa quốc gia;
- Công tác phòng chống bão lũ, chống va trôi, tìm kiếm cứu nạn;
- Thực hiện công tác nghiệm thu, thanh toán nội bộ;
- Quản lý, sử dụng tài sản, phương tiện, thiết bị theo quy định của cục Công ty;
- Xây dựng kế hoạch hoạt động theo tháng, quý, thực hiện chế độ báo cáo đối với Giám đốc Công ty;
- Thực hiện các chức năng nhiệm vụ khác Ban lãnh đạo Công ty giao nhiệm vụ.

Phạm vi hoạt động

Chi nhánh Xí nghiệp Quản lý bảo trì đường thủy 401:

- Thực hiện các chức năng nhiệm vụ trên phạm vi tổng số 170 km sông, trong đó: 48 km sông Đuống (từ km 00 đến km 48); 47 km sông Cầu (từ km 58 đến km 104); 19 km sông Công (từ km 00 đến km 19) và 56 km sông Bằng Giang (từ km 00 đến km 56).

- Bao gồm các Trạm Quản lý đường thủy nội địa: Minh Đạo; Kiều Lương; Yên Phong; Đa Phúc; Trạm Cao Bằng.

Chi nhánh Xí nghiệp Quản lý bảo trì đường thủy 402:

- Thực hiện các chức năng nhiệm vụ trên phạm vi tổng số 183 sông, trong đó: 62 km sông Thương (từ km 00 đến km 62); 07 km sông Thái Bình (từ km 93 đến km 100); 56 km sông Lục Nam (từ km 00 đến km 56) và 58 km sông Cầu (từ 9 km 00 đến km 58);

- Bao gồm các Trạm Quản lý đường thủy nội địa: Bắc Giang; Phả Lại; Lục Nam; Hiền Lương; Quang Châu.

Cơ cấu tổ chức

Văn phòng Chi nhánh:

Gồm chuyên viên Dự án và Kỹ thuật; nhân viên Kế toán thống kê kiêm thủ quỹ, văn phòng.

Các Trạm Quản lý đường thủy nội địa:

Các Trạm Quản lý đường thủy nội địa được sử dụng con dấu riêng, thực hiện chức năng nhiệm vụ theo Trạm;

Các chức danh lãnh đạo thuộc Chi nhánh

Chi nhánh Xí nghiệp Quản lý bảo trì đường thủy do Giám đốc Chi nhánh trực tiếp lãnh đạo, phó Giám đốc giúp việc.

Trạm Quản lý đường thủy nội địa do Trạm trưởng lãnh đạo, Phó Trạm trưởng giúp việc.

Giám đốc Chi nhánh do Giám đốc Công ty bổ nhiệm và miễn nhiệm; phó Giám đốc Chi nhánh, Trạm trưởng, Trạm phó do Giám đốc Công ty bổ nhiệm và miễn nhiệm theo đề nghị của Giám đốc Chi nhánh.

Mối quan hệ công tác giữa Chi nhánh Xí nghiệp với các Trạm Quản lý đường thủy nội địa và các Phòng Ban

Chi nhánh Xí nghiệp Quản lý bảo trì đường thủy 401 và 402 chủ động giải quyết công việc theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được phân công.

Các Trạm Quản lý đường thủy nội địa chịu sự chỉ đạo điều hành của Giám đốc Chi nhánh Xí nghiệp trong phạm vi được quy định tại Quyết định này.

Các Phòng ban có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, giám sát mọi hoạt động công tác của 02 Chi nhánh Xí nghiệp trên.

Chi tiết Tư vấn khảo sát thiết kế công trình giao thông, tư vấn thiết kế các công trình đường thủy, tư vấn giám sát thi công các công trình đường thủy.

3.7. Các công ty con, công ty liên kết:

a. Các công ty con: Không có

b. Các Công ty liên kết: Không có

4. Định hướng phát triển:

Tiếp tục duy trì ổn định, kiện toàn tổ chức hoạt động theo mô hình của Công ty cổ phần;

Xây dựng chiến lược, kiện toàn, mô hình tổ chức của Công ty, mục tiêu là đưa các hoạt động của Công ty phát triển mạnh bền vững, đưa các sản phẩm mang thương hiệu của Công ty ra thị trường trên toàn quốc. Tập trung xây dựng chiến lược kinh doanh hiệu quả, duy trì tốc độ tăng trưởng và ổn định đạt mục tiêu về lợi nhuận đảm bảo quyền lợi của các nhà đầu tư;

Công ty tìm ra các giải pháp phát triển bền vững cho thị trường kinh doanh của Công ty, giữ ổn định thị trường.

Bằng nhiều biện pháp tạo điều kiện và có chính sách tốt nhất chăm lo đời sống người lao động, bảo vệ môi trường và tham gia phát triển cộng đồng;

Xây dựng đội ngũ cán bộ nhân viên giỏi về chuyên môn, năng động, sáng tạo, nhạy bén thích ứng yêu cầu đổi mới, có năng lực quản lý để đưa Công ty phát triển ngày một vững mạnh;

+ Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

Công ty cổ phần quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4 định hướng hoạt động kinh doanh: Tập trung mọi nguồn lực thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh đã đề ra;

Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, hoạch định chính sách, nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của Bộ máy quản trị điều hành. Trong thời gian tới cần chủ động nâng cao trình độ quản lý, bồi dưỡng và hướng dẫn những kiến thức tối thiểu về kinh tế và kế hoạch cho tất cả cán bộ quản lý, công nhân và người lao động trong Công ty;

Nâng cao năng lực tài chính: Tăng cường tích lũy nội bộ, gia tăng lợi nhuận. Sử dụng nguồn vốn hợp lý, tích cực thu hồi các khoản nợ phải thu nhằm tăng khả năng cạnh tranh trong kinh doanh, tìm kiếm nhà đầu tư góp vốn, tăng cường năng lực tài chính;

Xây dựng văn hóa doanh nghiệp trong Công ty: Có chính sách đãi ngộ xứng đáng để xây dựng Công ty với đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp, năng động, ứng xử có văn hóa, phục vụ khách hàng tốt nhất để doanh nghiệp phát triển bền vững.

+ Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng)

Hướng đến phát triển bền vững, gắn với trách nhiệm xã hội và quan tâm đến lợi ích cộng đồng. Tiếp tục thực hiện và tuân thủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường, xã hội và cộng đồng.

5. Các rủi ro:

+ Rủi ro kinh tế:

Trước biến động của nền kinh tế nói chung và khó khăn của ngành giao thông vận tải nói riêng. Hội đồng quản trị đã xác định xây dựng chiến lược kinh doanh trên cơ sở tận dụng thế mạnh của doanh nghiệp ngành nghề đặc thù bảo trì và đảm bảo an toàn giao thông. Kinh doanh thương mại xăng dầu đang trên đà khởi sắc.

+ Rủi ro về lạm phát:

Lạm phát là một trong những yếu tố kinh tế vĩ mô quan trọng, có mối quan hệ mật thiết với sự ổn định và phát triển của nền kinh tế. Trong những năm qua, nền kinh tế nước ta chịu ảnh hưởng của biến động giá nguyên vật liệu đầu vào, vấn đề này ảnh hưởng đến kế hoạch lợi nhuận và kết quả kinh doanh của Công ty.

+ Rủi ro về lãi suất:

Lãi suất là biến số kinh tế nhạy cảm, sự thay đổi của lãi suất sẽ tác động làm thay đổi hành vi sản xuất và tiêu dùng của xã hội. Trong hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty tìm cách giảm thiểu rủi ro lãi suất thông qua các biện pháp: Kiểm soát chặt công nợ phải thu, tối ưu hóa quay vòng vốn, tăng quay vòng đồng tiền, cơ cấu lại các khoản vay.

II. Tình hình hoạt động trong năm.

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

Hoạt động doanh thu và chi phí của năm 2019 theo số liệu kiểm toán mốc thời gian từ 01/01/2019 đến 31/12/2019.

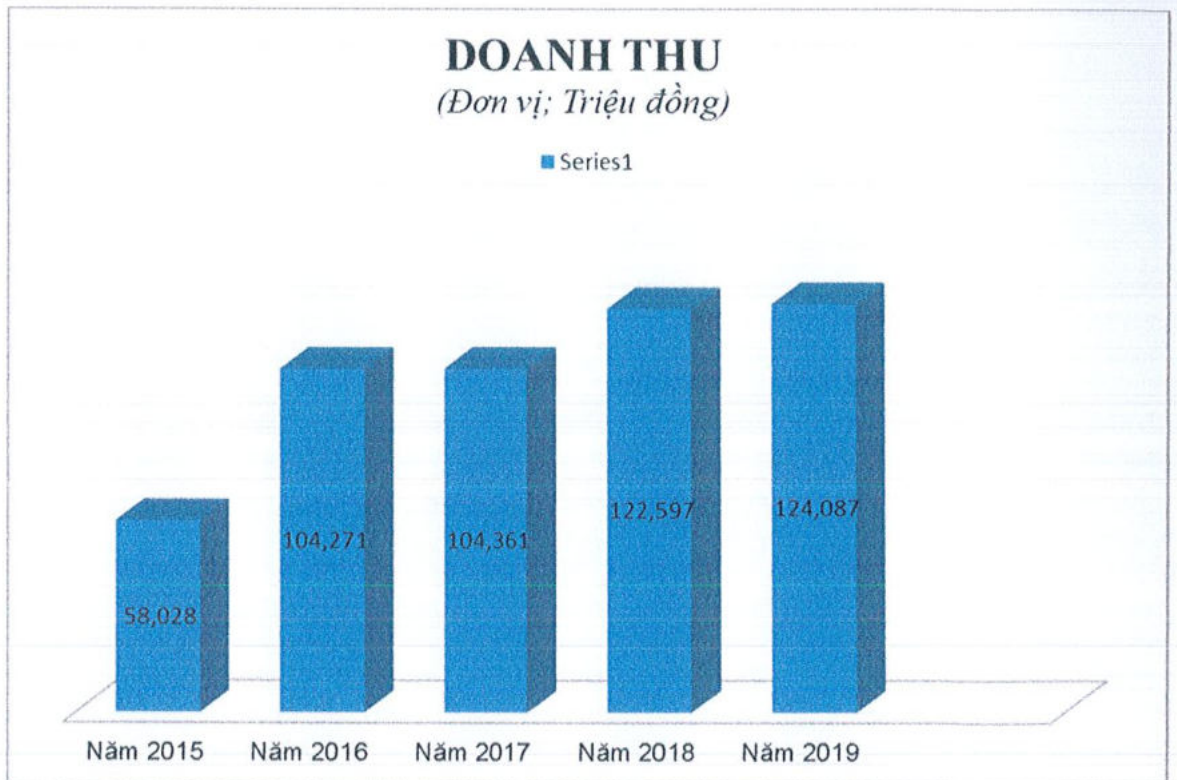
Bảng số 1: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh từ năm 2018-2019

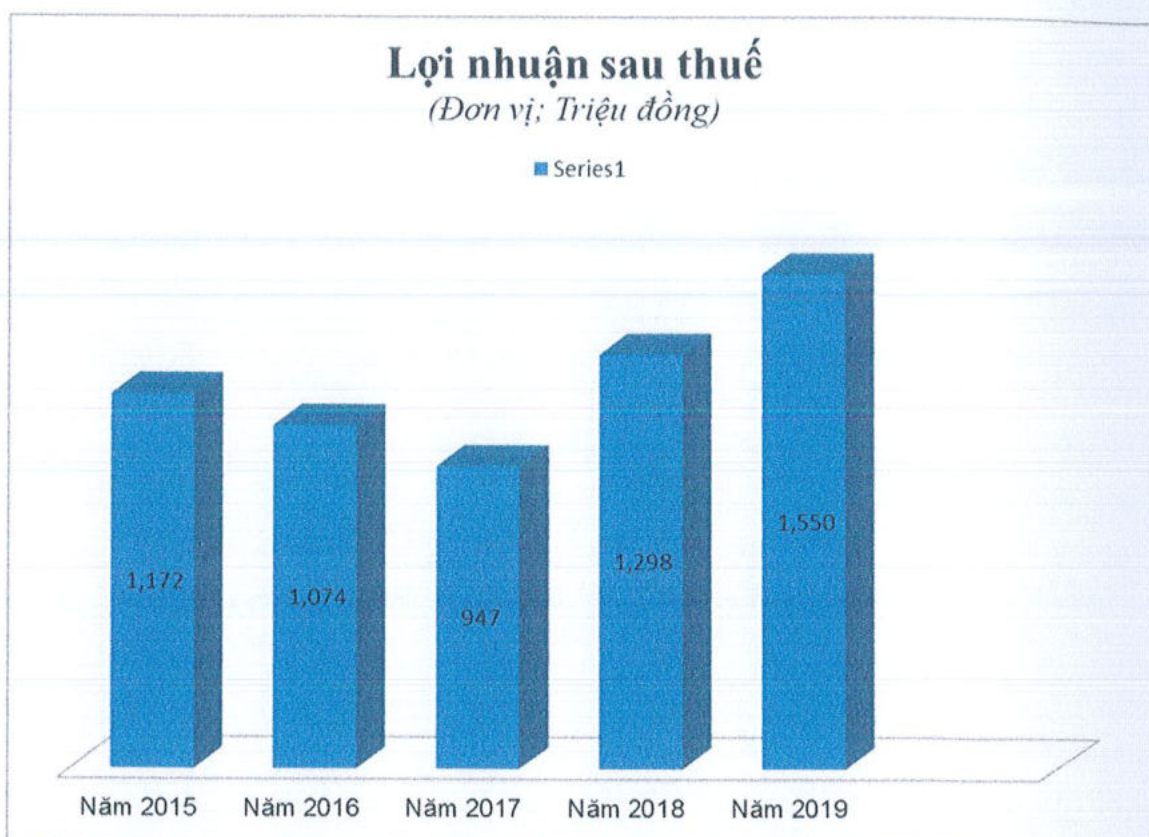
TT	Chỉ tiêu	Năm 2018 (đồng)	Năm 2019(đồng)	% so với năm 2018
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	122.596.645.308	124.086.616.380	101,2%
2	Doanh thu thuần	122.596.645.308	124.086.616.380	101,2%
3	Lợi nhuận gộp	15.190.017.359	14.726.272.903	96,9%
4	Lợi nhuận thuần	2.774.175.854	2.071.171.865	74,7%
5	Lợi nhuận khác	(940.794.616)	(106.902.793)	11,4%
6	Lợi nhuận trước thuế	1.833.381.238	1.964.269.072	107,1%
7	Lợi nhuận sau thuế	1.298.071.373	1.550.034.699	119,4%

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018, 2019 của Công ty)

Trong năm 2019, Công ty cổ phần quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4 vượt qua những khó khăn, thách thức, tận dụng cơ hội chỉ đạo đơn vị thực hiện đặt hàng và đấu thầu quản lý bảo trì đường thủy nội địa; điều tiết hướng dẫn Cầu Đa Phúc, Cầu Phật tích, Cầu Xuân Cẩm; thường trực chống va trôi mùa bão lũ Cầu Hồ, Cầu Bắc Giang, Cầu Bình, Cầu Lai Vu; các công trình khác và kinh doanh thương mại, doanh thu năm 2019 của Công ty đạt: 124.086.616.380 đồng đạt 101,2% so với kế hoạch năm 2018, lợi nhuận sau thuế đạt 1.550.034.699 đạt 119,4% so với kế hoạch năm 2018, trong đó:

1. Doanh thu năm 2019	124.086.616.380	đồng
<i>Trong đó:</i> Quản lý bảo trì đường thủy nội địa	14.824.056.361	đồng
Doanh thu khối ĐTKC đảm bảo giao thông+ Va trôi;	19.108.516.000	đồng
Doanh thu từ khối xây dựng (Cải tạo via hè, thiết bị thể thao)	4.437.400.000	đồng
Doanh thu từ hoạt động kinh doanh thương mại xăng dầu;	85.059.521.000	đồng
Doanh thu thương mại dịch vụ và lĩnh vực khác	657.123.019	đồng
2. Lợi nhuận trước thuế	1.964.269.072	đồng
3. Lợi nhuận sau thuế	1.550.034.699	đồng
+ Chi trả cổ tức (850 đồng/cổ phần x 1.160.000 CP)	986.000.000	đồng
+ Quỹ đầu tư phát triển	70.000.000	đồng
+ Quỹ phúc lợi	134.000.000	đồng
+ Quỹ khen thưởng	360.034.699	đồng





Bảng số 2: Cơ cấu doanh thu của Công ty năm 2018-2019

TT	Chỉ tiêu	Năm 2018(đồng)	Năm 2019 (đồng)	% so với năm 2018
1	Doanh thu thuần từ hoạt động SXKD	122.573.481.672	124.086.616.380	101,2%
2	Doanh thu từ hoạt động tài chính	7.694.472	5.195.470	67,5%

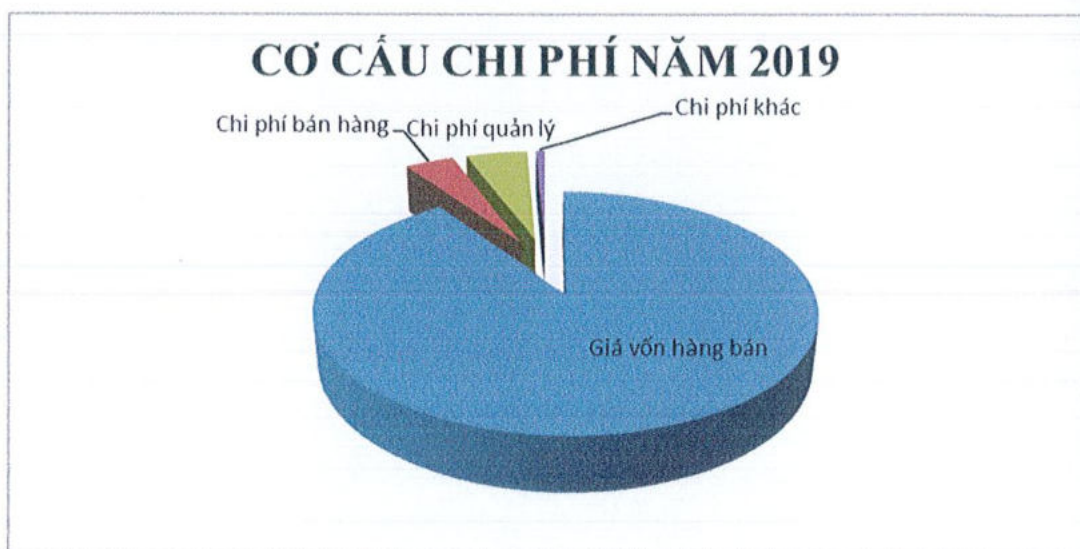
(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018, 2019 của Công ty)

Cơ cấu chi phí

Bảng số 3: Cơ cấu chi phí của Công ty năm 2018-2019

TT	Năm 2018 (đồng)	Tỷ trọng so với tổng doanh thu 2018 (%)	Năm 2019(đồng)	Tỷ trọng so với tổng doanh thu 2019 (%)
Giá vốn hàng bán	107.406.627.949	87,61%	109.360.343.477	89,2%
Chi phí tài chính	1.973.640.077	1,61%	1.916.089.696	1,6%
Chi phí bán hàng	4.589.187.975	3,74%	4.641.742.744	3,8%
Chi phí QLQLDN	5.860.707.925	4,78%	6.103.184.068	5%
Chi phí khác	1.390.794.616	1,13%	515.221.696	0,6%
Tổng chi phí	121.220.958.542	98,88%	122.536.581.681	98,8%

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018, 2019 của Công ty)



Với việc tăng trưởng 1,2% về doanh thu năm 2019 so với năm 2018, thì tổng chi phí trong năm 2019 cũng có sự gia tăng từ :121.220.958.542 đồng năm 2018 lên 122.536.581.681 đồng năm 2019. Chi phí tăng so với năm 2018 nguyên nhân năm 2019 chi phí tài chính của Công ty tăng do giá vốn xăng dầu tăng và tăng chi phí quản lý doanh nghiệp.

+ Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh so với kế hoạch năm 2019:

Bảng số 4: Kết quả hoạt động SXKD so với kế hoạch năm 2019

TT	Kế hoạch năm 2019 (đồng)	Thực hiện năm 2019 (đồng)	Tỷ lệ (%)
Tổng doanh thu	129.595.000.000	124.086.616.380	95,7%
Doanh thu từ QLBT đường thủy nội địa	15.280.000.000	14.824.056.361	97%
Doanh thu từ ĐTKC đảm bảo giao thông, ĐT chống va trôi và doanh thu khác	18.481.000.000	19.453.201.689	105,3%
Doanh thu cải tạo via hè + Lắp đặt thiết bị thể thao	10.000.000.000	4.437.400.000	44,4%
Doanh thu từ hoạt động thương mại	85.834.000.000	85.371.958.330	99,5%
Lợi nhuận trước thuế	1.950.000.000	1.964.269.072	100,7%
Lợi nhuận sau thuế	1.400.000.000	1.550.034.699	110,7%
Chi trả cổ tức (NQ ĐHCĐ 2019)	8,5%	8,5%	100%
Dự kiến thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	5.900.000	6.300.000	106,8%

2. Tổ chức và nhân sự

a) Danh sách Ban Giám đốc điều hành:

TT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ	Trình độ CM	Tỷ lệ sở hữu cổ phần
1	Phạm Hồng Minh	1982	Giám đốc	CN kinh tế	4,21%
2	Nguyễn Phi Trường	1966	Phó Giám đốc	CN kinh tế	3,08%
3	Trần Văn Ôn	1970	Phó Giám đốc	CN kinh tế	3,85%
4	Trịnh Đình Kiên	1969	Phó Giám đốc	Kỹ sư CTT	3,46%

Lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành của thành viên Ban Giám đốc điều hành:

1. Phạm Hồng Minh – Giám đốc:

Họ và tên	PHẠM HỒNG MINH
- Số CMND	125043047 cấp ngày 04/06/2012 tại Công an Bắc Ninh
- Ngày sinh	06/08/1982
- Quốc tịch	Việt Nam
- Dân tộc	Kinh
- Địa chỉ thường trú	Thôn Lai Hạ, Xã Lai Hạ, Huyện Lương Tài, Tỉnh Bắc Ninh
- Đại chỉ hiện tại	Thôn Lai Hạ, Xã Lai Hạ, Huyện Lương Tài, Tỉnh Bắc Ninh
- Trình độ văn hóa	12/12
- Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác	
T5/2006-T9/2009	Nhân viên phòng kế toán tài vụ Đoạn quản lý đường thủy nội địa số 4
T9/2009-T5/2011	Phó phòng kế toán tài vụ Đoạn quản lý đường thủy nội địa số 4
T6/2011-T9/2011	Phụ trách phòng kế toán tài vụ Đoạn quản lý đường thủy nội địa số 4
T9/2011-T2/2015	Kế toán trưởng Đoạn quản lý đường thủy nội địa số 4
23/3/2015-25/4/2016	Ủy viên HĐQT – Phó Giám đốc Công ty cổ phần Quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4
25/4/2016 đến nay	Ủy viên HĐQT – Giám đốc Công ty cổ phần Quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4
Chức vụ hiện nay:	Ủy viên HĐQT – Giám đốc Công ty cổ phần Quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không
- Số lượng cổ phần sở hữu	48.800 cổ phần chiếm 4,21% vốn Điều lệ
- Số lượng cổ phiếu đại diện chủ sở hữu	147.900 cổ phần chiếm 12,75% Vốn Điều lệ
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không
- Các khoản nợ đối với Công ty	Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không

2. Nguyễn Phi Trường - Phó Giám đốc

Họ và tên	NGUYỄN PHI TRƯỜNG
- Số CMND	125008914 cấp ngày 16/10/2010 do Công an Tỉnh Bắc Ninh cấp
- Ngày sinh	06/6/1966
- Quốc tịch	Việt Nam
- Dân tộc	Kinh
- Địa chỉ thường trú	Khu Yên Mẫn – Phường Kinh Bắc – Thành phố Bắc Ninh – Tỉnh Bắc Ninh
- Đại chỉ hiện tại	Khu Yên Mẫn – Phường Kinh Bắc – Thành phố Bắc Ninh – Tỉnh Bắc Ninh
- Trình độ văn hóa	12/12
- Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác	
T11/1992-T10/2000	Nhân viên Phòng Kế toán – Tài vụ Đoạn quản lý đường thủy nội địa số 4
T11/2000-T12/2000	Phó phòng Kế toán tài vụ Đoạn quản lý đường thủy nội địa số 4
T01/2001-T10/2006	Trưởng phòng Kế toán tài vụ Đoạn quản lý đường thủy nội địa số 4
T11/2006-T12/2012	Kế toán trưởng Đoạn quản lý đường thủy nội địa số 4
T2/2012-T2/2015	Phó Giám đốc Đoạn quản lý đường thủy NĐ số 4
T3/2015 đến nay	Phó Giám đốc - Ủy viên HĐQT Công ty cổ phần quản lý bảo trì ĐTNĐ số 4
- Chức vụ hiện nay	Ủy viên HĐQT – Phó Giám đốc; Thường vụ - Đảng ủy Công ty cổ phần quản lý bảo trì ĐTNĐ số 4.
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không
- Số lượng cổ phần sở hữu	35.700 cổ phần chiếm 3,08% vốn Điều lệ
- Số lượng cổ phiếu đại diện chủ sở hữu	147.900 cổ phần chiếm 12,75% Vốn Điều lệ
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không
- Các khoản nợ đối với Công ty	Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không

– 3. Trần Văn Ôn – Phó Giám đốc

Họ và tên	TRẦN VĂN ÔN
- Số CMND	125197402 cấp ngày 03/05/2018 tại Công an Bắc Ninh
- Ngày sinh	09/01/1970
- Quốc tịch	Việt Nam
- Dân tộc	Kinh
- Địa chỉ thường trú	Khu 2 – Phường Đại Phúc – Thành phố Bắc Ninh – Tỉnh Bắc Ninh.
- Đại chỉ hiện tại	Khu 2 – Phường Đại Phúc – Thành phố Bắc Ninh – Tỉnh Bắc Ninh.
- Trình độ văn hóa	12/12
- Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác	
T9/1992-T11/2002	Công nhân các trạm quản lý đường sông: Minh Đạo; Bắc Giang; Hòa Long – Đoạn QLĐS số 4
T12/2002-T12/2003	Trạm phó phụ trách Trạm quản lý đường sông Bồ Hạ - Đoạn QLĐS số 4
T01/2003-T7/2004	Trạm trưởng Trạm QLĐS Bồ Hạ - Đoạn QLĐS số 4
T8/2004-T6/2013	Phó phòng kế hoạch vật tư – Đoạn QLĐS số 4;
T7/2013-T12/2015	Trưởng phòng Kinh tế - Kế hoạch Đoạn QLĐTND số 4
T3/2015 – 05/02/2017	Ủy viên Hội đồng quản trị - Trưởng phòng Kinh doanh – Dự án Công ty cổ phần quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4;
06/02/2017 đến nay	Phó Giám đốc Công ty cổ phần QLBT ĐTNĐ số 4
- Chức vụ hiện nay	Phó Giám đốc; Bí thư chi bộ Văn phòng I; Chủ tịch Hội cựu chiến binh Công ty cổ phần quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4;
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không
- Số lượng cổ phần sở hữu	44.700 cổ phần chiếm 3,85% Vốn điều lệ.
- Số lượng cổ phiếu đại diện chủ sở hữu	Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không
- Các khoản nợ đối với Công ty	Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không

4.Trịnh Đình Kiên - Phó Giám đốc	
Họ và tên	TRỊNH ĐÌNH KIÊM
- Số CMND	125583666 cấp ngày 10/6/2010 do Công an Tỉnh Bắc Ninh cấp
- Ngày sinh	12/9/1969
- Quốc tịch	Việt Nam
- Dân tộc	Kinh
- Địa chỉ thường trú	Phố Vũ – Tuyên Hoàng – Gia Bình – Bắc Ninh
- Địa chỉ hiện tại	Phố Vũ – Tuyên Hoàng – Gia Bình – Bắc Ninh
- Trình độ văn hóa	12/12
- Trình độ chuyên môn	Kỹ sư công trình thủy
- Quá trình công tác	
T5/1992-T10/2004	Trạm QLĐTND Minh Đạo
T10/2004-T12/2004	Trạm QLĐTND Kiều Lương
T12/2004-T12-2006	Chuyên viên phòng Kỹ thuật – Đoàn QLĐTND số 4
T12/2006-T2/2015	Đội trưởng Đội Công trình – Đoàn QLĐTND số 4
T3/2015 đến 05/02/2017	Thành viên ban kiểm soát – Giám đốc xí nghiệp thương mại cơ khí công trình – Công ty CPQLBTĐTND số 4
Từ 06/02/2017 đến nay	Phó Giám đốc Công ty cổ phần QLBT ĐTND số 4
Chức vụ hiện nay tại Công ty	Phó Giám đốc Công ty cổ phần QLBT ĐTND số 4 Ủy viên Ban chấp hành Công đoàn; Bí thư Chi bộ xây dựng công trình.
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không
Số lượng cổ phần đang nắm giữ	40.100 cổ phần chiếm 3,46% Vốn Điều lệ
Số lượng cổ phiếu đại diện sở hữu	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không

Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động:

+ Chính sách đào tạo:

Công ty rất chú trọng vào lĩnh vực đầu tư nguồn nhân lực, tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ công nhân viên tham gia các lớp đào tạo nâng cao tay nghề, đào tạo lại lực lượng lao động. Kế hoạch đào tạo hàng năm căn cứ vào yêu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty. Nội dung đào tạo phù hợp với nhu cầu thực tế

sản xuất kinh doanh của Công ty. Nội dung đào tạo phù hợp với nhu cầu thực tế của đơn vị. Căn cứ vào nhu cầu sản xuất kinh doanh Công ty sẽ tuyển dụng lao động phù hợp;

Chính sách lương thưởng, trợ cấp:

Công ty có chính sách tiền lương, tiền thưởng phù hợp nhằm nâng cao đời sống cho cán bộ công nhân viên. Lương của người lao động được trả theo quy chế trả lương của Công ty do Hội đồng quản trị ban hành. Năm 2019 Công ty trả lương theo quyết định số 286/QĐ-HĐQT-ĐT4 ngày 28/5/2019 do Chủ tịch Hội đồng quản trị ký ban hành về việc Ban hành Quy chế tiền lương, tiền thưởng và chế độ đối với người lao động tại Công ty cổ phần quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4.

+ Trả lương theo thời gian đối với cán bộ, nhân viên nghiệp vụ, Văn phòng theo chức năng nhiệm vụ được giao và mức độ hoàn thành công việc trong tháng.

+ Trả lương khoán cho các khối kinh doanh xăng dầu; Xí nghiệp Quản lý bảo trì đường thủy nội địa; Xí nghiệp Xây dựng công trình và các công trình khác.

+ Thưởng nhân dịp lễ, tết trong năm: Tết Dương lịch, Giỗ Tổ Hùng Vương; Kỷ niệm ngày Giải phóng Miền Nam 30/4 – Ngày Quốc tế lao động 1/5; Ngày Quốc khánh 2/9 và Tết Âm lịch.

Tổng số lao động của Công ty năm 2019 là: 138 người.

Thu nhập bình quân: 6.300.000 đồng/người/tháng.

3. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án

Các khoản đầu tư lớn:

4. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài chính

Bảng số 5: Tình hình tài chính Công ty năm 2018-2019

TT	Chỉ tiêu	Năm 2018 (VND)	Năm 2019 (VND)	% tăng, giảm năm 2019 so với năm 2018
1	Tổng tài sản	54.239.216.424	44.530.362.532	82,1%
2	Doanh thu thuần	122.596.645.308	124.086.616.380	101,2%
3	Lợi nhuận từ hoạt động KD	2.774.175.854	2.071.171.865	74,7%
4	Lợi nhuận trước thuế	1.833.381.238	1.964.269.072	107,1%
5	Lợi nhuận sau thuế	1.298.071.373	1.550.034.699	119,4%
6	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	8,0%	8,5%	106,3%

(Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2018, năm 2019 của Công ty)

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu :

Bảng số 6: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2018	Năm 2019
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Khả năng thanh toán ngắn hạn	Lần	1,01	1,07
Khả năng thanh toán nhanh $(=(TSLD-Hàng\ tồn\ kho)/Nợ\ NH)$	Lần	0,89	0,99
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số nợ/Tổng tài sản	%	0,76	0,74
Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	%	3,12	2,33
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	26,49	30,69
Vòng quay tổng tài sản (Doanh thu thuần/Tổng TS)	Vòng	0,29	2,79
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	1,06%	1,25%
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	9,86%	11,74%
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	2,39%	3,48%
Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	2,26%	1,67%

(Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2018, năm 2019 của Công ty)

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần:

- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 1.160.000 cổ phần
- Loại cổ phần: phổ thông
- Tổng giá trị theo mệnh giá: 11.600.000.000 đồng (Mười một tỷ sáu trăm triệu đồng chẵn)
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: 180.300 cổ phần.

c) Cơ cấu cổ đông:

Bảng số 7: Cơ cấu cổ đông

Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Giá trị cổ phần (đồng)	Tỷ lệ % trên vốn điều lệ thực góp
1.Cổ đông trong nước	128	1.160.000	11.600.000.000	100%
1.1.Tổ chức				
Tổng Công ty đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước	1	591.600	5.916.000.000	51%
Công ty TNHH ứng dụng công nghệ Việt Nhật	1	81.200	812.000.000	7%
1.2.Cổ đông cá nhân	126	487.200	4.872.000.000	42%
2.Cổ đông nước ngoài	0	0	0	0%
3.Cổ phiếu quỹ	0	0	0	0%
Tổng cộng	128	1.160.000	11.600.000.000	100%

(Nguồn: Danh sách cổ đông Công ty cổ phần quản lý bảo trì ĐTNĐ số 4 đến 31/12/2019)

Bảng số 8: Danh sách cổ đông nắm giữ 5% trở lên tại thời điểm 31/12/2019

Tên cổ đông	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	Giá trị cổ phần (đồng)	Tỷ lệ % trên vốn điều lệ thực góp
1. Tổng Công ty đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước	Tầng 23, tòa nhà Charmvit, 117 Trần Duy Hưng, Cầu Giấy, Hà Nội.	591.600	5.916.000.000	51%
2. Công ty TNHH ứng dụng công nghệ Việt Nhật	Số 18- Ngõ 251 Phường Kim Mã – Quận Ba Đình – TP Hà Nội.	81.200	812.000.000	7%
3. Dương Hải Thanh	Chủ tịch HĐQT Công ty CP QLBT ĐTNĐ số 4	64.800	640.800.000	5,59%
Tổng cộng		737.600	7.376.000.000	63,59%

(Nguồn: Danh sách cổ đông Công ty cổ phần quản lý bảo trì ĐTNĐ số 4 đến 31/12/2019)

d) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không thay đổi

e) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

f) Các chứng khoán khác: Không có

6. Chính sách liên quan đến người lao động:

a) **Số lượng lao động, mức lao động trung bình đối với người lao động:**

Số lượng lao động tính đến 31/12/2019 : 138 người

Về chính sách phân phối tiền lương năm 2019; căn cứ vào quy chế trả lương của Công ty số 286/QĐ-HĐQT-ĐT4 do Chủ tịch Hội đồng quản trị ký ban hành 28/05/2019 được áp dụng từ ngày 01/06/2019 về việc ban hành Quy chế tiền lương, tiền thưởng và chế độ đối với người lao động tại Công ty cổ phần quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4 đảm bảo tính dân chủ, công khai đến từng người lao động.

Mức lương bình quân năm 2019: 6.300.000 đồng/người/tháng

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách đối với người lao động theo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo công ăn việc làm ổn định cho người lao động, cải thiện thu nhập, quan tâm đến đời sống vật chất, tinh thần cán bộ công nhân viên. Công ty đã xây dựng quỹ khen thưởng phúc lợi để thăm hỏi, động viên người lao động một cách kịp thời khi gặp khó khăn trong cuộc sống.

Cán bộ công nhân viên được trang bị đầy đủ các điều kiện làm việc, đối với lao động trực tiếp được trang bị đầy đủ các phương tiện an toàn bảo hộ lao động, khám sức khỏe định kỳ theo quy định.

Công tác môi trường, phòng chống cháy nổ, thiết bị nghiêm ngặt về an toàn và các quy định về công tác an toàn cho người lao động được huấn luyện theo quy định đồng thời kiểm tra giám sát thường xuyên.

Công ty đã lo đầy đủ về tinh thần và vật chất trong các ngày lễ, tết trong năm mức : 700.000 đ/người/ngày lễ.

b) Hoạt động đào tạo người lao động:

Năm 2019 Công ty phối kết hợp với Công ty cổ phần dạy nghề Đường thủy nội địa Đào tạo và cấp chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng các loại: 29 người; Cấp chứng nhận khả năng chuyên môn máy trưởng các loại: 15 người; Chứng chỉ chuyên môn các loại: 48 người; Chứng nhận học tập pháp luật giao thông đường thủy nội địa: 15 người; Đổi mới bằng thuyền trưởng: 5 người.

6.1- Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

Công ty thường xuyên quan tâm đến công tác khuyến học, năm 2019 Công ty đã khen thưởng cho các cháu đạt thành tích học sinh giỏi các cấp và các cháu thi đỗ Đại học với tổng số tiền: 25.500.000 đồng.

Công ty đóng góp đầy đủ các quỹ xã hội từ thiện, quỹ nhân đạo, ủng hộ chất độc da cam, vì người nghèo, khuyến học, đền ơn đáp nghĩa, phòng chống thiên tai... tổng số tiền: 38.815.850 đồng.

6.2- Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

Không có

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1.Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1. Khó khăn:

Doanh thu quản lý bảo trì đường thủy nội địa, điều tiết không chế đảm bảo giao thông các cầu mùa lũ năm 2019 sụt giảm gây nên không ít khó khăn về đời sống, việc làm an sinh cho người lao động.

1.2. Thuận lợi:

Trước những khó khăn trên công ty cổ phần Quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4 chuyển đổi mô hình doanh nghiệp từ mô hình quản lý hành chính sự nghiệp sang Công ty cổ phần đã chuyển mạnh mẽ, bước đầu đạt được kết quả trong hoạt động kinh doanh và gia nhập vào những lĩnh vực mới nhiều tiềm năng. Bằng chiến lược kinh doanh được Ban lãnh đạo Công ty chủ động sáng tạo, đoàn kết, hoạch định phù hợp với tình hình thực tế đã đạt được các kết quả khả quan trong hoạt động kinh doanh năm 2019 – thể hiện qua các con số sau (Báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán).

1.3. Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh;

Năm 2019, Công ty Cổ phần Quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4 đã đạt mức doanh thu thuần là 124.086.616.380 đồng, đạt 95,7% so với năm 2019, mức tăng doanh thu chủ yếu nhờ vào tăng nguồn thu từ hoạt động kinh doanh chính của Công ty như : Quản lý bảo trì đường thủy nội địa, điều tiết không chế đảm bảo an toàn giao thông các công trình trên tuyến Công ty quản lý, hoạt động kinh doanh xăng dầu.

Công ty duy trì tổ chức thực hiện quản lý chất lượng ISO 9001-2008 cấp ngày 14/7/2016 được gia hạn đến ngày 27/12/2021; trực tiếp tham gia chăm sóc khách hàng sau bán hàng để ghi nhận những hạn chế trong quá trình bán hàng và chủ động đề xuất bổ sung cho phù hợp.

Lợi nhuận sau thuế: Lợi nhuận sau thuế năm 2019 đạt được là: 1.550.034.699 đồng.

Thực hiện các nghĩa vụ nộp thuế:

ĐVT: VND

Chỉ tiêu	Số dư ngày 1/1/2019	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số còn phải nộp ngày 31/12/2019
Thuế Giá trị gia tăng	2.223.218.448	3.162.715.068	3.475.000.000	1.910.933.516
Thuế Thu nhập DN	479.328.402	414.234.373	583.699.842	309.862.933
Thuế Xuất nhập khẩu				
Thuế Thu nhập CN		74.635.164	28.150.230	46.484.934
Thuế nhà đất, tiền thuê đất		154.543.600		
Thuế Bảo vệ môi trường và thuế khác		10.000.000		
Cộng	2.702.546.850	3.816.128.205	4.251.393.672	2.267.281.383

(Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2018, năm 2019 của Công ty)

Thu nhập cho cổ đông:

Trên cơ sở số liệu đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán CPA VIETNAM, toàn bộ lãi sau thuế năm 2019 của Công ty là: 1.550.034.699 đồng. Lãi cơ bản trên một cổ phiếu của năm 2019 là: 910 đồng.

+ Theo Nghị quyết số 213/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19/4/2019 dự kiến chia cổ tức tỷ lệ 8,5%/cổ phần (850 đồng/cổ phần); Hình thức chi trả: Chuyển khoản.

Số còn lại trích quỹ:

+ Quỹ đầu tư phát triển	70.000.000 đồng
+ Quỹ Phúc lợi	134.000.000 đồng
+ Quỹ khen thưởng	364.034.699 đồng

Nhận xét chung:

Ưu điểm:

Lãnh đạo Công ty đã lãnh đạo thực hiện hoàn thành tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2019, thực hiện tốt công tác quản trị chi phí bảo toàn vốn và lợi nhuận, các khoản giao nộp Nhà nước và cấp trên theo quy định.

Tinh thần đoàn kết kỷ luật, sản xuất kinh doanh hoàn thành các chỉ tiêu chính đề ra đời sống tinh thần vật chất người lao động được cải thiện, thu nhập ổn định.

Những tồn tại cần khắc phục:

Cần chủ động công tác đào tạo cán bộ, công nhân kỹ thuật đáp ứng những tiến bộ kỹ thuật mới và thiết bị mới đầu tư để nâng cao uy tín của Công ty trong giai đoạn hội nhập kinh tế hiện nay.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản:

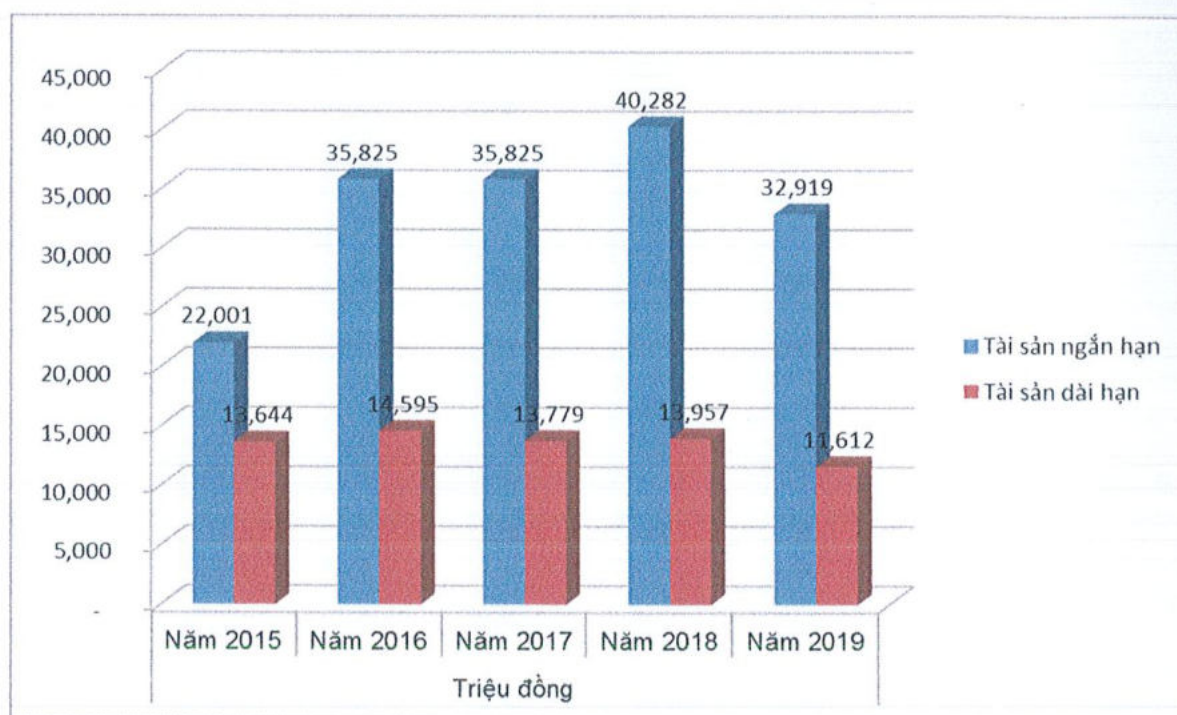
Thực trạng về tài sản cố định theo số liệu báo cáo kiểm toán tại thời điểm kết thúc ngày 31/12/2019 tổng tài sản của Công ty cổ phần quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4 như sau:

Bảng 9: Tình hình tài sản của Công ty tính đến thời điểm 31/12/2019

Tài sản	Năm 2018 (đồng)	Năm 2019 (đồng)	Thay đổi 2019 so với 2018 (%)
A. Tài sản ngắn hạn	40.282.389.735	32.918.558.987	81,7%
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	2.239.459.617	141.958.367	6,3%
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	33.547.254.230	30.145.598.888	89,9%
IV. Hàng tồn kho	4.495.675.888	2.631.001.732	58,5%
V. Tài sản ngắn hạn khác			
B. Tài sản dài hạn	13.956.826.689	11.611.803.545	83,2%
II. Tài sản cố định	12.993.699.281	11.180.213.283	86%
IV. Tài sản dở dang dài hạn			
VI. Tài sản dài hạn khác	963.127.408	431.590.262	44,8%
Tổng cộng tài sản	54.239.216.424	44.530.362.532	

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018, 2019 của CTCP QLBT ĐTNĐ số 4)

BIỂU ĐỒ TÀI SẢN CỦA CÔNG TY NĂM 2015 ĐẾN 2019



Bảng số 10: Tình hình tài sản cố định của Công ty tính đến thời điểm 31/12/2019

ĐVT: VND

Hạng mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện VT truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng
Nguyên giá					
Số dư tại 01/01/2019	10.664.628.353	1.655.901.870	20.823.231.928	46.000.000	33.189.762.151
Tăng trong năm			31.818.181		31.818.181
Mua trong năm			31.818.181		31.818.181
Giảm trong năm					
Số dư tại 31/12/2019	10.664.628.353	1.655.901.870	20.855.050.109	46.000.000	33.221.580.332
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư tại 01/01/2019	3.518.842.219	688.712.595	15.950.049.887	38.458.169	20.196.062.870
Tăng trong năm	698.945.364	68.222.913	1.071.730.530	6.405.372	1.845.304.179
Khấu hao trong năm	698.945.364	68.222.913	1.071.730.530	6.405.372	1.845.304.179
Giảm trong năm					
Thanh lý, nhượng bán					
Số dư tại 31/12/2019	4.217.787.583	756.935.508	17.021.780.417	44.863.541	22.041.364.049
Giá trị còn lại					
Tại 01/01/2019	7.145.786.134	967.189.275	4.873.182.041	7.541.831	12.993.699.281
Tại 31/12/2019	6.445.840.770	898.966.362	3.833.269.692	1.136.459	11.180.213.283

(Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2018, năm 2019 của Công ty)

b) Tình hình nợ phải trả tại thời điểm 31/12/2019:

Bảng số 11: Tình hình nợ phải trả của Công ty 2018-2019

ĐVT: VND

Tài sản	Năm 2018 (đồng)	Năm 2019(đồng)	Thay đổi 2019 so với 2018 (%)
C. Nợ phải trả	41.074.145.051	31.329.362.532	76,3%
I.Nợ ngắn hạn	40.042.168.493	30.709.116.626	76,7%
1.Phải trả người bán ngắn hạn	2.442.187.283	3.213.114.152	131,6%
2.Người mua trả tiền trước ngắn hạn	5.542.209.226	1.565.244.476	28,2%
3.Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	2.702.546.850	2.267.281.383	83,9%
4.Phải trả người lao động			
9.Phải trả ngắn hạn khác	12.956.885.937	6.024.710.451	46,5%
10.Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	16.359.960.000	17.423.250.000	106,5%
12.Quỹ khen thưởng phúc lợi	38.379.197	218.516.164	561,5%
II.Nợ dài hạn	1.031.976.558	620.245.606	60,1%
8.Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	1.031.976.558	620.245.606	60,1%

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018,2019 của CTCP QLBT ĐTNĐ số 4)

c) **Tình hình nợ phải thu tại thời điểm 31/12/2019:**

Bảng số 11: Tình hình nợ phải thu của Công ty 2018-2019

ĐVT: VND

Tài sản	Năm 2018 (đồng)	Năm 2019 (đồng)	Thay đổi 2019 so với 2018 (%)
Nợ phải thu	33.547.254.230	30.145.598.888	89,9%
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	25.329.249.373	22.634.758.768	89,4%
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	661.840.012	448.966.256	67,8%
6. Phải thu ngắn hạn khác	7.556.164.845	7.061.873.864	93,5%

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018, 2019 của CTCP QLBT ĐTNĐ số 4)

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý:

Từng bước tổ chức lại doanh nghiệp, phân định rõ ràng trách nhiệm của từng bộ phận, phòng ban tạo điều kiện phát huy năng lực của từng cá nhân và tập thể. Tăng cường kỷ luật lao động, nâng cao tính chủ động và linh hoạt trong công tác quản lý.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

Trong giai đoạn hiện nay hoạt động sản xuất kinh của Công ty gặp nhiều khó khăn, doanh thu quản lý bảo trì giảm mạnh, cạnh tranh cùng ngành nghề diễn ra gay gắt, sức ép chi phí tiền lương và an sinh xã hội rất lớn.

Công tác đấu thầu các gói bảo trì đường thủy nội địa, điều tiết không chế đảm bảo an toàn giao thông đường thủy nội địa năm 2019 đảm bảo tiến độ đề ra.

Cán bộ công nhân viên toàn Công ty đoàn kết tin tưởng vào sự lãnh đạo của Ban lãnh đạo Công ty, định hướng mục tiêu cụ thể của Hội đồng quản trị và Ban Lãnh đạo Công ty trong quá trình chỉ đạo sản xuất kinh doanh.

4.1. Kế hoạch thực hiện các chỉ tiêu năm 2020

Các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020

ĐVT: VND

1. Tổng Doanh thu ước đạt	117.525.000.000	đồng
<i>Trong đó:</i>		
+ Doanh thu từ khối quản lý bảo trì	16.346.000.000	đồng
+ Doanh thu từ khối ĐTKC ĐBATGT+ Va trôi	20.959.000.000	đồng
+ Doanh thu từ khối thương mại xăng dầu	70.000.000.000	đồng
+ Doanh thu từ khối xây dựng và doanh thu khác	10.220.000.000	đồng
2. Lợi nhuận trước thuế ước đạt	2.100.000.000	đồng
3. Lợi nhuận sau thuế ước đạt	1.680.000.000	đồng
+ Cổ tức : Dự kiến chia cổ tức năm 2020 tỷ lệ 9%/cổ phần (900 đồng/cổ phần), tổng số tiền:	1.044.000.000	đồng
+ Hình thức thanh toán: Chuyển khoản		
+ Số còn lại trích các quỹ: + Quỹ đầu tư PT	50.000.000	đồng
+ Quỹ phúc lợi	86.000.000	đồng
+ Quỹ khen thưởng	500.000.000	đồng
5. Thu nhập bình quân người lao động	6.500.000	đ/người/tháng

4.2. Các biện pháp để hoàn thành kế hoạch:

Một là: Tranh thủ sự ủng hộ của cơ quan chức năng đặc biệt là Bộ Giao thông vận tải, Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC), Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh, Bắc Giang tạo điều kiện hỗ trợ Công ty về cơ chế, chính sách, đặt hàng, chỉ định thêm các công trình trên địa bàn tuyến.

Hai là: Tăng cường công tác quản trị doanh nghiệp, Hội đồng quản trị trú trọng nâng cao công tác quản trị doanh nghiệp coi đó là nhiệm vụ trọng tâm trong xây dựng thương hiệu doanh nghiệp vươn lên tầm cao mới gia tăng sức cạnh tranh trong nền kinh tế mở, cụ thể ban lãnh đạo đưa ra giải pháp:

Áp dụng quy trình ISO quản lý chất lượng trong công tác điều hành, hoạt động của Công ty. Năm 2015, Công ty đã triển khai hợp đồng với Trung tâm chứng nhận phù hợp QUACERT tư vấn TCVN ISO 9001-2008 ban hành quy trình quản lý chất lượng, ban hành quy chế quản trị nội bộ mang tính chuyên sâu và theo sát các văn bản pháp quy hiện hành của Nhà nước. Ngày 14/7/2016 Công ty đã được Trung tâm chứng nhận phù hợp (QUACERT) – Tổng Cục đo lường chất lượng cấp Quyết định số 4060/QĐ-QUACERT về việc cấp Giấy chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008 trong lĩnh vực hoạt động : Quản lý, bảo trì đường thủy nội địa (Giấy chứng nhận số : HT 3693.16.34

Hiệu lực đến 27/12/2021

Ngày cấp giấy chứng nhận lần đầu: 14/7/2016

Tiếp tục đào tạo và đào tạo lại lực lượng lao động

Ban lãnh đạo Công ty xây dựng nhân tố con người là nhân tố quyết định trong sự phát triển của doanh nghiệp. Công ty đã và đang cử cán bộ, người lao động đi đào tạo mới và đào tạo lại với kỳ vọng lực lượng lao động của Công ty sẽ tham gia vào thị trường lao động ngày càng sôi động của địa phương.

Ba là: Phát huy tính chủ động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm của mọi người lao động, đặc biệt là bộ phận quản lý công ty, người đứng đầu các bộ phận, tăng cường đoàn kết trong nội bộ đơn vị, tăng cường hơn nữa sự đồng thuận, đoàn kết của cán bộ công nhân viên chung sức, đóng góp về trí tuệ, vốn, công sức góp phần xây dựng đơn vị phát triển qua giai đoạn khởi nghiệp khó khăn.

Bốn là: Tái cơ cấu dây truyền, quy mô các bộ phận sản xuất để phù hợp với tỷ trọng doanh thu, chi phí giữa các lĩnh vực kinh doanh. Duy trì quy mô lĩnh vực thương mại cũ là dầu diezen đã được triển khai và bước đầu cho thấy kết quả khả quan.

Năm là: Phục vụ cho việc tăng đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh, công ty trình Cục Đường thủy nội địa Việt Nam cho chủ trương tăng huy động vốn bằng biện pháp kết hợp hai hình thức huy động vốn tại chỗ từ cán bộ công nhân viên trong Công ty và huy động vốn qua phát hành trái phiếu doanh nghiệp. Ban Lãnh đạo Công ty xem xét cân nhắc tính hiệu quả của từng phương án đưa ra tỷ trọng của các hình thức huy động vốn trên một cách hợp lý.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán:

Không có

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội của Công ty

a) Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường:

Hướng tới mục tiêu phát triển bền vững, Công ty ngày càng cải thiện các hoạt động cung cấp dịch vụ đảm bảo chỉ tiêu môi trường hợp lý, phù hợp với tiêu chuẩn cho phép.

a) Đánh giá liên quan đến vấn đề lao động:

Công tác đời sống xã hội, phong trào công nhân viên chức có tiến bộ, vượt qua mọi khó khăn, lao động sáng tạo, hoàn thành tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh.

c) Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương:

Trong năm qua, Công ty đã hoàn thành tốt trách nhiệm với cộng đồng địa phương như đóng góp ủng hộ các quỹ xã hội từ thiện, ủng hộ quỹ chất độc da cam, quỹ đền ơn đáp nghĩa, phòng chống thiên tai, ủng hộ đồng bào miền trung...

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội:

Năm 2019 là năm thứ 5 Công ty hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần, vượt qua những khó khăn, thách thức của nền kinh tế, với kết quả sản xuất kinh doanh đã đạt được cùng với những bài học kinh nghiệm trong quá trình lãnh đạo, sự đoàn kết, năng động trong Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc Công ty cùng toàn thể cán bộ công nhân viên đã khắc phục những tồn tại, tìm ra những giải pháp phù hợp lãnh đạo Công ty hoàn thành tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2019.

Dù gặp nhiều khó khăn thách thức đối với ngành đường thủy nội địa, Công ty chủ động trong lựa chọn trong cung ứng nguyên nhiên vật liệu, vật tư, thiết bị; huy động cân đối nguồn vốn; đào tạo nâng cao trình độ người lao động; thực hiện tốt quy chế dân chủ trong lựa chọn, sử dụng cán bộ để phát huy năng lực, sáng kiến cải tiến, tiết kiệm của cá nhân, tập thể người lao động; không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm, đa dạng hóa các hoạt động dịch vụ, đẩy mạnh công tác quảng bá bán hàng nên kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty vẫn đạt kết quả khả quan.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

Đã tuân thủ và thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết của HĐQT;

Luôn thể hiện trách nhiệm cao, thường xuyên bám sát công việc, chỉ đạo sát sao, kịp thời, cụ thể, quyết liệt; giải quyết kịp thời những khó khăn vướng mắc trong hoạt động sản xuất kinh doanh;

Chủ động triển khai thực hiện các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị theo đúng chủ trương, định hướng phát triển được thông qua.

Chủ động đưa ra các giải pháp phù hợp với từng giai đoạn, điều kiện cụ thể. Phát huy mọi tiềm lực sức mạnh của cán bộ công nhân viên để hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh.

Hội đồng quản trị nhận thấy Ban Giám đốc Công ty đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo Điều lệ Công ty, có biện pháp chỉ đạo kịp thời đáp ứng các yêu cầu về nguồn lực cho các hoạt động của Công ty.

Chấp hành tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp Điều lệ Công ty và các quy định hiện hành của Nhà nước.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

Tình hình kinh tế 2020, dự báo 2021 và các năm tiếp theo vẫn còn nhiều khó khăn do những tồn tại của nhiều năm trước, công tác quản lý bảo trì đường thủy nội địa sụt giảm mạnh gây nên những khó khăn cho Công ty trong công tác quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh.

Trước những khó khăn cấp bách hiện nay, Hội đồng quản trị đã đưa ra những giải pháp chỉ đạo thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

Chủ động chuẩn bị các nguồn vốn cho sản xuất và đời sống người lao động;

Tiếp tục ổn định bán lẻ xăng dầu, thực hiện đa dạng hóa các hoạt động thương mại dịch vụ, tiếp cận các dự án của Cục Đường thủy nội địa Việt Nam để xúc tiến công tác đấu thầu và xin chỉ định thầu nhằm giải quyết công ăn việc làm và thu nhập cho người lao động.

Tăng cường công tác tiếp thị, đặc biệt trong lĩnh vực bán hàng và thương mại dịch vụ, mở rộng thị trường.

Chủ động, phát huy tối đa tiềm năng các nguồn lực : lao động, thiết bị và cơ sở vật chất sẵn có hoàn thành các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2020.

V- Công tác quản trị công ty:

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên Hội đồng quản trị

Bảng số 12: Danh sách thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

TT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ	Trình độ chuyên môn	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền BQ
1	Dương Hải Thanh	1968	Chủ tịch HĐQT	Kỹ sư công trình thủy	5,59%
2	Phạm Hồng Minh	1982	Thành viên HĐQT	Cử nhân kinh tế	4,21%
3	Nguyễn Phi Trường	1966	Thành viên HĐQT	Cử nhân kinh tế	3,08%
4	Phạm Văn Hanh	1971	Thành viên HĐQT	Kỹ sư công trình thủy	2,41%
5	Nguyễn Văn Tạng	1970	Thành viên HĐQT	Kỹ sư công trình thủy	3,78%

Lý lịch thành viên Hội đồng quản trị:

1. Dương Hải Thanh – Chủ tịch Hội đồng quản trị

Họ và tên	DƯƠNG HẢI THANH
Số CMND:	012899067 cấp ngày 19/03/2012 tại Công an Hà Nội
Ngày sinh:	04/04/1968
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Địa chỉ thường trú:	Nhà 17 ngách 379/34 Đội Cấn – Ba Đình – Hà Nội
Địa chỉ hiện tại:	Nhà 17 ngách 379/34 Đội Cấn – Ba Đình – Hà Nội
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư công trình thủy, Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác:	
T1/1990-T3/1993	Cán bộ kỹ thuật Đoạn QLĐTND số 4
T4/1993-T11/1997	Phó Trưởng phòng kế hoạch vật tư – Đoạn QLĐTND số 4
T12/1997-T8/2004	Trưởng phòng kế hoạch vật tư – Đoạn QLĐTND số 4
T9/2004-T4/2011	Phó trưởng phòng kế hoạch đầu tư; Tổ chức cán bộ; Quản lý phương tiện và thuyền viên; Quản lý hạ tầng Cục Đường thủy nội địa Việt Nam;
T5/2011-T2/2015	Giám đốc Đoạn quản lý đường thủy nội địa số 4
T3/2015 –T4/2016	Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc Công ty cổ phần quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4
Chức vụ hiện nay:	Chủ tịch Hội đồng quản trị; Bí thư Đảng ủy Công ty cổ phần quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không
Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu	64.800 cổ phần chiếm 5,59% tổng vốn Điều lệ
Số lượng cổ phiếu đại diện sở hữu	295.800 cổ phần chiếm 25,5% tổng vốn Điều lệ
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan đến Công ty	Không

2. Phạm Hồng Minh - Ủy viên Hội đồng quản trị

Họ và tên	PHẠM HỒNG MINH
- Số CMND	125043047 cấp ngày 04/06/2012 tại Công an Bắc Ninh
- Ngày sinh	06/08/1982
- Quốc tịch	Việt Nam
- Dân tộc	Kinh
- Địa chỉ thường trú	T.Lai Hạ, Xã Lai Hạ, Huyện Lương Tài, T. Bắc Ninh
- Địa chỉ hiện tại	T.Lai Hạ, Xã Lai Hạ, Huyện Lương Tài, T. Bắc Ninh
- Trình độ văn hóa	12/12
- Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác	
T5/2006-T9/2009	Nhân viên phòng kế toán tài vụ Đoạn quản lý đường thủy nội địa số 4
T9/2009-T5/2011	Phó phòng kế toán tài vụ Đoạn quản lý đường thủy nội địa số 4
T6/2011-T9/2011	Phụ trách phòng kế toán tài vụ Đoạn quản lý đường thủy nội địa số 4
T9/2011-T2/2015	Kế toán trưởng Đoạn quản lý đường thủy nội địa số 4
23/3/2015-25/4/2016	Ủy viên HĐQT – Phó Giám đốc Công ty cổ phần Quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4
25/4/2016 đến nay	Ủy viên HĐQT – Giám đốc Công ty cổ phần Quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4
Chức vụ hiện nay:	Ủy viên HĐQT – Giám đốc Công ty cổ phần Quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4, Đảng ủy viên
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không
- Số lượng cổ phần sở hữu	48.800 cổ phần chiếm 4,21% vốn Điều lệ
- Số lượng cổ phiếu đại diện chủ sở hữu	147.900 cổ phần chiếm 12,75% Vốn Điều lệ
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không
- Các khoản nợ đối với Công ty	Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không

3. Nguyễn Phi Trường		Ủy viên Hội đồng quản trị
Họ và tên	NGUYỄN PHI TRƯỜNG	
- Số CMND	125008914 cấp ngày 16/06/2010 do Công an Tỉnh Bắc Ninh cấp	
- Ngày sinh	06/6/1966	
- Quốc tịch	Việt Nam	
- Dân tộc	Kinh	
- Địa chỉ thường trú	Khu Yên Mẫn – Phường Kinh Bắc – Thành phố Bắc Ninh – Tỉnh Bắc Ninh	
- Đại chỉ hiện tại	Khu Yên Mẫn – Phường Kinh Bắc – Thành phố Bắc Ninh – Tỉnh Bắc Ninh	
- Trình độ văn hóa	12/12	
- Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế	
- Quá trình công tác		
T11/1992-T10/2000	Nhân viên Phòng Kế toán – Tài vụ Đoàn quản lý đường thủy nội địa số 4	
T11/2000-T12/2000	Phó phòng Kế toán tài vụ Đoàn quản lý đường thủy nội địa số 4	
T01/2001-T10/2006	Trưởng phòng Kế toán tài vụ Đoàn quản lý đường thủy nội địa số 4	
T11/2006-T12/2012	Kế toán trưởng Đoàn quản lý đường thủy nội địa số 4	
T2/2012-T2/2015	Phó Giám đốc Đoàn quản lý đường thủy nội địa số 4	
T3/2015 đến nay	Phó Giám đốc - Ủy viên HĐQT Công ty cổ phần quản lý bảo trì ĐTNĐ số 4	
Chức vụ hiện nay	Ủy viên HĐQT – Phó Giám đốc; Thường vụ Đảng ủy Công ty cổ phần quản lý bảo trì ĐTNĐ số 4.	
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không	
Số lượng cổ phần sở hữu	35.700 cổ phần chiếm 3,08% vốn Điều lệ	
Số lượng cổ phiếu đại diện chủ sở hữu	147.900 cổ phần chiếm 12,75% Vốn Điều lệ	
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không	
Các khoản nợ đối với Công ty	Không	
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không	

4. Phạm Văn Hanh Ủy viên Hội đồng quản trị	
Họ và tên	PHẠM VĂN HANH
- Số CMND	121375526 cấp ngày 12/6/2010 do Công an Tỉnh Bắc Ninh cấp
- Ngày sinh	20/11/1971
- Quốc tịch	Việt Nam
- Dân tộc	Kinh
- Địa chỉ thường trú	Phường Kinh Bắc – Thành phố Bắc Ninh – Tỉnh Bắc Ninh
- Địa chỉ hiện tại	Phường Kinh Bắc – Thành phố Bắc Ninh – Tỉnh Bắc Ninh
- Trình độ văn hóa	12/12
- Trình độ chuyên môn	Kỹ sư công trình thủy
- Quá trình công tác	
T12/2002-T4/2007	Trạm QLĐTND Bồ Hạ - Đoạn QLĐTND số 4
T4/2007-T10/2009	Trạm Phó Trạm QLĐTND Bồ Hạ - Đoạn QLĐTND số 4
T10/2009-T2/2011	Phó trạm trưởng phụ trách Trạm QLĐTND Bồ Hạ - Bí thư chi bộ sản xuất I -Đoạn QLĐTND số 4
T2/2011-T9/2011	Phó trưởng phòng TCHC – Đảng ủy viên Đoạn QLĐTND số 4
T9/2011-T2/2015	Đảng ủy viên – Bí thư chi bộ Văn phòng II, Trưởng phòng TCHC Đoạn QLĐTND số 4
T3/2015 đến 23/04/2017	Trưởng ban kiểm soát – Trưởng phòng TCHC Công ty cổ phần quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4
24/4/2017 đến nay	Thành viên Hội đồng quản trị – Trưởng phòng TCHC Công ty cổ phần quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4
Chức vụ Công ty hiện nay tại Công ty	Thành viên Hội đồng quản trị; Phó Bí thư Đảng bộ; Trưởng phòng TCHC; Chủ tịch Công đoàn Công ty cổ phần quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không
Số lượng cổ phần đang nắm giữ	28.000 cổ phần chiếm 2,41% Vốn Điều lệ
Số lượng cổ phiếu đại diện sở hữu	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không

5 . Nguyễn Văn Tạng	- Ủy viên Hội đồng quản trị
Họ và tên	NGUYỄN VĂN TẶNG
- Số CMND	125686319 cấp ngày 03/5/2002 do Công an Tỉnh Bắc Ninh cấp
- Ngày sinh	03/05/1970
- Quốc tịch	Việt Nam
- Dân tộc	Kinh
- Địa chỉ thường trú	Khu tập thể đường sông – Phúc Sơn – Vũ Ninh – Thành phố Bắc Ninh – Tỉnh Bắc Ninh
- Đại chỉ hiện tại	Khu tập thể đường sông – Phúc Sơn – Vũ Ninh – Thành phố Bắc Ninh – Tỉnh Bắc Ninh
- Trình độ văn hóa	12/12
- Trình độ chuyên môn	Kỹ sư Công trình thủy
- Quá trình công tác	
T9/1992-T12/1992	Đội Khảo sát – Đoạn QLĐS số 4
T1/1993-T12/1993	Trạm QLĐS Minh Đạo – Đoạn QLĐS số 4
T1/1994-T1/2004	Phòng Kỹ thuật – Đoạn QLĐS số 4
T2/2004-T3/2007	Phó phòng kỹ thuật – Đoạn QLĐTND số 4
T4/2007-T2/2005	Trưởng phòng kỹ thuật – Đoạn QLĐTND số 4
T3/2015 đến 22/2/2018	Thành viên HĐQT – Trưởng phòng kỹ thuật Công ty cổ phần quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4
23/2/2018 đến nay	Thành viên HĐQT – Trưởng Kinh doanh dự án 1 Công ty cổ phần quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4
Chức vụ Công ty hiện nay tại Công ty	Ủy viên Hội đồng quản trị - Trưởng phòng Kinh doanh dự án 1 Công ty cổ phần quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4;
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không
Số lượng cổ phần đang nắm giữ	43.900 cổ phần chiếm 3,78% Vốn Điều lệ
Số lượng cổ phiếu đại diện sở hữu	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị: đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp.

Hội đồng quản trị đã thực hiện tốt chức năng của mình, kịp thời thảo luận để đưa ra phương hướng và chỉ đạo Ban Giám đốc thực hiện các chỉ tiêu kinh doanh của Công ty. Hội đồng quản trị luôn cập nhật tình hình hoạt động của Công ty thông qua báo cáo của Ban Giám đốc giám sát việc thực hiện mục tiêu đã giao.

Thực hiện Nghị quyết số 213/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19/4/2019 Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 về kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 HĐQT đã lãnh đạo bám sát Điều lệ tổ chức, hoạt động.

Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/12/2019 Hội đồng quản trị tổ chức 05 cuộc họp và 06 lấy ý kiến bằng văn bản với nội dung chủ yếu sau:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số buổi tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Dương Hải Thanh	Chủ tịch HĐQT	05	100%	
2	Phạm Hồng Minh	UV HĐQT – Giám đốc	05	100%	
3	Nguyễn Phi Trường	UV HĐQT	05	100%	
4	Phạm Văn Hanh	UV HĐQT	05	100%	
5	Nguyễn Văn Tặng	UV HĐQT	05	100%	

Nghị quyết Hội đồng quản trị năm 2019:

+ **Nghị quyết số 12/NQ-HĐQT** ngày 05 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4 thông qua nội dung chốt danh sách cổ đông ngày 15/03/2019 phục vụ Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần QLBT ĐTNĐ số 4 năm 2019 và tạm ứng chi trả cổ tức năm 2018 bằng tiền mức 8%/cổ phiếu (800 đồng/cổ phiếu); Thời gian chi trả bắt đầu từ ngày 30/5/2019;

+ **Nghị quyết số 143/NQ-HĐQT** ngày 22 tháng 03 năm 2019 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4 thông qua thời gian tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2019; Kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018- Phương án sản xuất kinh doanh năm 2019; Thống nhất xin ý kiến Tổng Công ty đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước về những nội dung chính của Đại hội đồng cổ đông năm 2019 theo quy chế người đại diện phần vốn của Tổng Công ty tại các doanh nghiệp.

+ **Nghị quyết số 213/2019/NQ-ĐHĐCĐ** ngày 19 tháng 04 năm 2019 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 Công ty cổ phần quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4:

Thông qua Báo cáo Hội đồng quản trị năm 2018;

Thông qua Báo cáo của Ban Giám đốc về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018; phương hướng sản xuất kinh doanh năm 2019;

Thông qua báo cáo của Ban kiểm soát năm 2018;

Thông qua báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán CPA VIETNAM cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến hết ngày 31/12/2018;

Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2018 và dự kiến phương án chia cổ tức năm 2019 theo nội dung tờ trình của Hội đồng quản trị;

Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 và kế hoạch đầu tư theo báo cáo của Hội đồng quản trị;

Thông qua mức thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và thư ký Hội đồng quản trị năm 2019 theo tờ trình của Hội đồng quản trị;

Thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập năm 2019 theo tờ trình của Hội đồng quản trị.

+ **Nghị quyết số 515/NQ-HĐQT** ngày 10 tháng 9 năm 2019 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4 về việc thống nhất giải quyết công nợ với Chi nhánh Công ty TNHH MTV Vận tải và xếp dỡ đường thủy nội địa (nay là Công ty cổ phần Cảng Ninh Bình) theo nội dung biên bản Họp Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4 ngày 09 tháng 9 năm 2019;

+ **Nghị quyết số 694/NQ-HĐQT** ngày 06 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4 thông qua nội dung sau:

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019;
- Xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020;
- Đánh giá kết quả hoạt động của 4 Xí nghiệp trực thuộc Công ty;
 - Năm 2020 chuyển Xí nghiệp QLBT đường thủy nội địa số 401 về Trạm Kiều Lương; Xí nghiệp QLBT đường thủy nội địa số 402 về Trạm Bắc Giang;
 - Xây dựng phương án khoán đối với Xí nghiệp QLBT đường thủy nội địa số 401; Xí nghiệp QLBT đường thủy nội địa số 402; Xí nghiệp Thương mại xăng dầu; Thời gian từ 01 tháng 01 năm 2020;

Các quyết định của HĐQT:

+ **Quyết định số 246/QĐ-HĐQT/CTĐT4** ngày 10/5/2019 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4 về việc Bổ nhiệm có thời hạn ông Vũ Xuân Trường – Cử nhân kinh tế, Phó phụ trách Phòng Tài chính Kế toán, giữ chức vụ Trưởng Phòng Tài chính – Kế toán công ty cổ phần Quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4, kể từ ngày ký Quyết định;

+ **Quyết định số 286/QĐ-HĐQT/ĐT4** ngày 28/5/2019 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4 về việc Ban hành Quy chế tiền lương, tiền thưởng và chế độ đối với người lao động tại Công ty cổ phần quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4 kể từ ngày 01/6/2019;

Trong năm HĐQT đã thường xuyên giám sát các hoạt động của Ban Giám đốc và phối hợp chặt chẽ, thường xuyên với Ban thường vụ Đảng ủy, Công đoàn Công ty để lãnh đạo thực hiện tốt Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đề ra, có mối

liên hệ chặt chẽ với Ban kiểm soát và cung cấp đầy đủ nghị quyết các cuộc họp HĐQT.

Mọi hoạt động Công ty đã thực hiện trong khuôn khổ pháp luật và Điều lệ cũng như các quy chế trong từng lĩnh vực quản lý của Công ty.

Các quy chế đã thực hiện theo pháp luật, Điều lệ hoạt động và thực tiễn kinh doanh trong cơ chế thị trường cùng với sự ủy quyền cao nhất tạo điều kiện thông thoáng cho bộ máy viên chức lãnh đạo quản lý điều hành công ty.

- c) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành.
- d) Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không
- e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty:

Bảng 13: Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty

TT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ	Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ QLHCNN
1	Dương Hải Thanh	1968	Chủ tịch HĐQT	Kỹ sư công trình thủy	Chuyên viên chính
2	Phạm Hồng Minh	1982	Thành viên HĐQT- Giám đốc	Cử nhân kinh tế	Chuyên viên
3	Nguyễn Phi Trường	1966	Thành viên HĐQT	Cử nhân kinh tế	Chuyên viên chính
4	Phạm Văn Hanh	1971	Thành viên HĐQT	Kỹ sư Công trình thủy	Chuyên viên
5	Nguyễn Văn Tặng	1970	Thành viên HĐQT	Kỹ sư công trình thủy	Chuyên viên

1.2. Ban Kiểm soát

Bảng 14: Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

TT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ	Trình độ chuyên môn	Tỷ lệ sở hữu cổ phần
1	Nguyễn Thị Hằng	1981	Trưởng ban KS	Cử nhân Kinh tế	0.09%
2	Trần Thị Thoan	1979	Thành viên	Cử nhân Kinh tế XD	0,26%
3	Trần Thị Kiều	1987	Thành viên	Cử nhân QTDN	0,03%

Lý lịch thành viên Ban kiểm soát:

Họ và tên	NGUYỄN THỊ HẰNG
- Số CMND	125033067 ngày cấp 26/10/2009 do Công an Tỉnh Bắc Ninh cấp
- Ngày sinh	26/12/1981
- Quốc tịch	Việt Nam
- Dân tộc	Kinh
- Địa chỉ thường trú	Số nhà 36, Phố Vũ Giới, Phường Suối Hoa, TP Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh.
- Địa chỉ hiện tại	Số nhà 36, Phố Vũ Giới, Phường Suối Hoa, TP Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh.
- Trình độ văn hóa	12/12
- Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác	
Tháng 8/2003-15/10/2012	Kế toán Tiết kiệm Bưu điện, Bưu điện Tỉnh Bắc Ninh
Từ 16/10/2012- 04/3/2015	Nhân viên Đội Công trình – Đoạn Quản lý đường thủy nội địa số 4
Từ 05/3/2015 đến 23/4/2017	Nhân viên Xí nghiệp Thương mại, Cơ khí - công trình – Công ty cổ phần QLBT ĐTNĐ số 4
Từ 24/04/2017 – nay	Trưởng ban kiểm soát – Nhân viên Xí nghiệp Thương mại, Cơ khí - công trình (Nay là Xí nghiệp thương mại Xăng dầu) – Công ty cổ phần quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4.
Chức vụ hiện nay tại Công ty	Trưởng ban kiểm soát – Nhân viên Xí nghiệp thương mại Xăng dầu - Công ty cổ phần quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không
Số lượng cổ phần đang nắm giữ	1.100 cổ phần chiếm 0,09% Vốn Điều lệ
Số lượng cổ phiếu đại diện sở hữu	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không

Họ và tên	TRẦN THỊ THOAN
- Số CMND	162200889 cấp ngày 04/8/2008 do Công an Tỉnh Nam Định cấp
- Ngày sinh	17/10/1979
- Quốc tịch	Việt Nam
- Dân tộc	Kinh
- Địa chỉ thường trú	Số 03, đường Võ Cường 21, Khu Hòa Đình, Phường Võ Cường, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh
- Địa chỉ hiện tại	Số 03, đường Võ Cường 21, Khu Hòa Đình, Phường Võ Cường, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh
- Trình độ văn hóa	12/12
- Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế xây dựng
- Quá trình công tác	
Tháng 1 năm 2004 đến tháng 11 năm 2009	Nhân viên Phòng Kế hoạch – Đoạn Quản lý đường sông số 4 (Nay là Công ty cổ phần quản lý bảo trì ĐTNĐ số 4)
Tháng 12/2009 đến 04/3/2015	Phó Phòng Tổ chức – Hành chính, Phó Chủ tịch Công đoàn – Đoạn quản lý đường thủy nội địa số 4
Từ 05/03/2015 đến 23/4/2017	Phó Phòng Tổ chức – Hành chính, Phó Chủ tịch Công đoàn, Phó Bí thư Chi bộ Văn phòng 2 - Công ty cổ phần quản lý bảo trì ĐTNĐ số 4
Từ 24/04/2017 đến nay	Thành viên Ban kiểm soát - Phó Chủ tịch Công đoàn, Phó Bí thư Chi bộ Văn phòng 2 - Công ty cổ phần quản lý bảo trì ĐTNĐ số 4
Chức vụ hiện nay tại Công ty	Thành viên Ban kiểm soát - Phó Chủ tịch Công đoàn, Phó Bí thư Chi bộ Văn phòng 2 - Công ty cổ phần quản lý bảo trì ĐTNĐ số 4
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không
Số lượng cổ phần đang nắm giữ	3.000 cổ phần chiếm 0,26% Vốn Điều lệ
Số lượng cổ phiếu đại diện sở hữu	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không

Họ và tên	TRẦN THỊ KIỀU
- Số CMND	145197035 cấp ngày 08/9/2010 do Công an Tỉnh Hưng Yên cấp
- Ngày sinh	26/7/1987
- Quốc tịch	Việt Nam
- Dân tộc	Kinh
- Địa chỉ thường trú	Số 168, đường Thiên Đức, Phường Vệ An, TP Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh
- Địa chỉ hiện tại	Số 168, đường Thiên Đức, Phường Vệ An, TP Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh
- Trình độ văn hóa	12/12
- Trình độ chuyên môn	Cử nhân quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác	
T3/2011-25/4/2016	Nhân viên Phòng Kinh tế kế hoạch – Đoàn QLĐTND số 4 (nay là Công ty cổ phần QLBT ĐTND số 4
26/4/2016- nay	Thành viên ban kiểm soát – Nhân viên Phòng Kinh doanh dự án Công ty cổ phần QLBT ĐTND số 4
Chức vụ Công ty hiện nay tại Công ty	Thành viên ban kiểm soát – Nhân viên Phòng Kinh doanh dự án Công ty cổ phần QLBT ĐTND số 4
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không
Số lượng cổ phần đang nắm giữ	300 cổ phần chiếm 0,03% Vốn Điều lệ
Số lượng cổ phiếu đại diện sở hữu	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không

a) Hoạt động của Ban kiểm soát:

Trong năm 2019, Ban kiểm soát đã họp định kỳ để tiến hành kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty trong quá trình quản lý, điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty như sau:

+ Xem xét tính phù hợp của các quyết định của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc trong công tác quản lý, điều hành; Kiểm soát trình tự, thủ tục ban hành các văn bản của Công ty đảm bảo phù hợp với quy định của Pháp luật và Điều lệ hoạt động của Công ty; Giám sát việc thực thi pháp luật Công ty.

+ Kiểm tra đánh giá các quy trình trọng yếu của Công ty, nhằm phát hiện rủi ro tiềm tàng hoặc những thiếu sót trong hệ thống quản lý nội bộ, từ đó đề xuất những kiến nghị và giải pháp phù hợp.

+ Giám sát việc công bố thông tin của Công ty theo các quy định của Luật chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan.

+ Xem xét các báo cáo định kỳ do Ban Giám đốc lập, kiểm tra báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán để xem xét những ảnh hưởng sai sót kế toán kiểm toán trọng yếu đến báo cáo tài chính.

+ Những chất vấn, yêu cầu của một số cổ đông được giải quyết thấu đáo trong phạm vi quyền hạn và theo đúng quy định của pháp luật.

Tuy nhiên, hoạt động của Ban kiểm soát vẫn còn hạn chế như xây dựng quy chế hoạt động, phân công nhiệm vụ cho các thành viên chưa được cụ thể, chưa chủ động trong việc đề xuất kế hoạch kiểm tra.

Ban kiểm soát đã phối hợp tốt với các đoàn kiểm tra của Công ty triển khai công tác kiểm tra, giám sát tại đơn vị thành viên Công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

Bảng 15: BẢNG TỔNG HỢP LƯƠNG, THƯỞNG, THÙ LAO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT NĂM 2019 (TỪ 01/01/2019 ĐẾN 31/12/2019)

ĐVT: VND

TT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ	Lương, thưởng, thù lao HĐQT	Ghi chú
1	Dương Hải Thanh	1968	Chủ tịch HĐQT	267.060.000	
2	Phạm Hồng Minh	1982	Thành viên HĐQT	205.690.000	
3	Nguyễn Phi Trường	1966	Thành viên HĐQT	194.534.800	
4	Phạm Văn Hanh	1971	Thành viên HĐQT	170.101.300	
5	Nguyễn Văn Tặng	1970	Thành viên HĐQT	165.418.400	
6	Nguyễn Thị Hằng	1981	Trưởng ban KS	107.034.050	
7	Trần Thị Thoan	1979	Thành viên Ban KS	109.205.800	
8	Trần Thị Kiều	1987	Thành viên Ban KS	89.484.250	
	Cộng			1.308.528.600	

(Một tỷ, ba trăm linh tám triệu năm trăm hai tám nghìn sáu trăm đồng)

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: 9.400 cổ phần

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: 9.400 cổ phần.

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

e) Những nội dung chưa thực hiện được theo quy định pháp luật về quản trị Công ty: Không có.

VI. Báo cáo tài chính:

1. Ý kiến kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán :

Báo cáo tài chính năm 2019 đã được Công ty TNHH kiểm toán CPA VIETNAM lập cho kỳ hoạt động từ 01/01/2019 đến hết ngày 31/12/2019 của Công ty cổ phần Quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4 được lập ngày 03 tháng 3 năm 2019 từ trang 01 đến trang 23 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2019; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật về kế toán và kiểm toán.

Nội dung Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2019 được đăng tải trên website của Công ty : www.inwama4.vn

Nơi nhận:

- UBCKNN;
- Sở GD&ĐT;
- SCIC;
- Đăng trên Website Công ty;
- HĐQT, BKS;
- Lưu VT; thư ký HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Dương Hải Thanh